

HÀ MY
(Biên soạn)

BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Bản hùng ca nơi
(ĐÀU SÓNG)



WAKA^e

HỘI MÊ SÁCH

Tải eBooks miễn phí tại <https://hoimesach.com>

Nhận eBooks miễn phí qua
Group: <https://facebook.com/groups/mesachhoi>

Fanpage: <https://facebook.com/blogdocsach>

Lời nói đầu

Nhìn tấm bản đồ Việt Nam, trong lòng mỗi chúng ta dâng lên một niềm xúc động, sự tự hào dân tộc. Dáng hình Tổ quốc ta, một dải đất hình chữ S cong cong bên bờ Biển Đông mênh mông, dào dạt. Địa hình nước ta chiếm hơn một nửa là đồi núi, thoải dần về phía đông. Với đường bờ biển dài trên 3260 km trải dài từ Bắc xuống Nam, với gần 3000 hòn đảo lớn nhỏ và bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Từ xa xưa, chủ quyền lãnh thổ Việt Nam đã được công nhận.

Theo dòng chảy của lịch sử nước ta qua các thư tịch cổ, từ thời vua Lê Thánh Tông ta đã có “Hong Đức bản đồ”, đến thời Minh Mạng ta lại có Lịch triều hiến chương loại chí, Hoàng Việt dư địa chí,... Đây chính là những căn cứ hoàn toàn chính xác và đáng tin cậy để Việt Nam ta dựa vào đó khẳng định chủ quyền lãnh thổ.

Không chỉ là những dòng chữ từ lâu đời được ghi chép trong sử sách thời phong kiến mà những năm đầu thế kỷ XX, trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã có thêm nhiều hoạt động về khoa học kỹ thuật như: khảo sát xây dựng hải đăng, lập trạm vô tuyến, đặt trạm khí tượng thủy văn cung cấp số liệu quan trắc cảnh báo thời tiết cho khu vực và tổ chức Khí tượng thế giới,...

Cho đến thời kỳ kháng chiến kiến quốc, khi đất nước bị chia cắt thành hai miền Bắc - Nam, hai quần đảo lớn là Trường Sa, Hoàng Sa vẫn thuộc quyền quản lý của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Năm 1975, kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi đất nước hoàn toàn giải phóng, Bắc Nam sum họp một nhà, các hòn đảo cũng theo đó được giải phóng và được tiếp quản bởi Bộ Tư lệnh Hải quân nhân dân Việt Nam.

Hòa bình lập lại với đất nước ta, Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập toàn cầu, hợp tác quốc tế, Tủ sách Thanh niên xin trân

trọng giới thiệu ấn phẩm “*Biển đảo Việt Nam – Bản hùng ca nơi đầu sóng*”.

PHẦN I

ĐỊA LÝ – LỊCH SỬ VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Nằm bên dải đất chữ S hiền hòa, Biển Đông ngày đêm miệt mài sóng vỗ cất tiếng hát ru quê hương Việt Nam tươi đẹp. Biển Đông có diện tích hơn 3 triệu km², bao gồm cả vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan, xung quanh được bao bọc bởi các đảo, quần đảo và đất liền, tuy nhiên vẫn có đường thông qua các biển lân cận và các đại dương khác qua các eo biển.

Đối với Việt Nam, Biển Đông luôn được viết hoa một cách trang trọng trong các văn kiện chính thức của Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, Biển Đông đóng vai trò quan trọng về chiến lược phát triển đất nước, giàu có về tài nguyên và sự đa dạng sinh học. Biển Đông đóng vai trò là chiếc “cầu nối” cực kỳ quan trọng, là con đường giao thông trên biển nối liền nhiều đại dương, châu lục.

Bên cạnh đó, Biển Đông còn mang ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn. Từ những tiếng súng đầu tiên của thực dân Pháp ở bán đảo Sơn Trà vùng biển Đà Nẵng, đến sự kiện vịnh Bắc Bộ năm 1964, hay những đoàn tàu không số trên đường Hồ Chí Minh trên biển, Việt Nam vẫn hiên ngang trước sóng cả. Trong lịch sử quân sự, hướng biển luôn được xác định là hướng phòng thủ chiến lược. Hệ thống quần đảo và đảo trên các vùng biển nước ta cùng với dải đất liền ven biển thuận lợi cho việc xây dựng các căn cứ quân sự, điểm tựa, cụm điểm tựa, pháo đài, trạm gác tiền tiêu,... hình thành tuyến phòng thủ vững chắc, liên hoàn, nhiều tầng, nhiều lớp từ đảo xa vào đến đất liền.

Trong những năm tháng chiến tranh giữ nước, bộ đội ta đã anh dũng chiến đấu trên tất cả các mặt trận. Bên cạnh việc chiến đấu trên đất liền, vùng rừng núi (Điện Biên Phủ), vùng trời (Hà Nội – Điện Biên Phủ trên không), thì ta còn đón địch và chiến đấu ngay tại chính vùng biển. Việc tiếp viện vũ khí, lương thực, quân nhu vào chiến trường miền Nam trong

kháng chiến chống Mỹ đã góp một phần không nhỏ cho chiến thắng của quân và dân ta. Đây chính là lý do dẫn đến sự hình thành của các đoàn tàu không số, di chuyển qua tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển. Thành công từ những chuyến tiếp viện vũ khí, lương thực đã trực tiếp góp phần đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, xây dựng và phát triển khối chủ lực ở chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ; góp phần làm nên những chiến thắng oanh liệt của quân dân ta ở Ấp Bắc, Dầm Dơi, Đồng Xoài...

Trên con đường vận chuyển này, nhiều trận chiến đấu đã diễn ra hết sức ác liệt, những cán bộ, chiến sĩ Hải quân làm nhiệm vụ vận tải biển không hề nao núng hay đầu hàng trước khó khăn, vất vả. Các anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp tế cho miền Nam, góp phần tăng cường sức mạnh chiến đấu cho lực lượng vũ trang giải phóng đánh bại “chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Đối mặt với kẻ thù hùng mạnh nhất thế giới bấy giờ, thì yếu tố làm nên sức mạnh cho quân và dân ta chống trả quyết liệt đó chính là sự đoàn kết, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng.

Từ 1973 đến 1975, tuyến chi viện chiến lược bằng đường biển đã dốc toàn bộ lực lượng và phương tiện, sử dụng hàng ngàn lượt chuyển tàu chuyển vũ khí và vật chất các loại vào các chiến trường miền Nam, góp phần không nhỏ vào chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Tuy rằng số lượng vận chuyển bằng đường biển không thể so sánh được với vận chuyển bằng đường bộ, nhưng lại có ý nghĩa lịch sử và tầm quan trọng đặc biệt. Ta có thể thấy, hiệu quả vận chuyển của tuyến chi viện chiến lược biển đã tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp trên tất cả các vùng chiến lược, các địa bàn chiến lược ở miền Nam, góp phần tạo nên sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta. Đặc biệt, sự xuất hiện kịp thời, đồng bộ những vũ khí tương đối hiện đại, có tính năng chiến đấu cao từ đường biển đã làm thay đổi cách đánh của quân và dân ta, xoay chuyển hoàn toàn cục diện chiến tranh.

Tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển là một sáng tạo chiến lược của Đảng, thể hiện tầm vóc trí tuệ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước. Xin trích lại lời đánh giá của cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt: “Năm tháng sẽ qua đi, nhưng những chiến công anh hùng và sự hy sinh cao cả của các lực lượng mở đường vận tải chiến lược mang tên Bác Hồ kính yêu trên biển Đông, của các con tàu “không số” của quân và dân các bến bãi, làm nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại sẽ mãi mãi đi vào lịch sử đấu tranh anh dũng của dân tộc ta... Tổ quốc và nhân dân ta đời đời ghi nhớ công lao của những người đã làm nên kỳ tích Đường Hồ Chí Minh trên biển”.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi. Đất nước hòa bình, non sông thu về một mối. Tuy vậy, nhưng ta vẫn phải đề cao cảnh giác trước những mưu đồ xâm lược của các thế lực ngoại bang. Do đó, công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ được đẩy mạnh và chú trọng đặc biệt. Năm 1988, quân Trung Quốc chuẩn bị thực hiện ý đồ chiếm 3 đảo Gạc Ma, Côn Lin, Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa. Trước tình hình đó, Hải quân ta xác định: Trung Quốc sẽ còn chiếm thêm một số bãi cạn khác, trong đó, Gạc Ma giữ vị trí quan trọng. Nếu các khu vực này bị Trung Quốc chiếm giữ, đường qua lại tiếp tế của ta cho các đảo sẽ bị khống chế. Do vậy phải quyết tâm đóng giữ các đảo Gạc Ma, Côn Lin và Len Đao.

Ngày 14/3/1988, tàu Trung Quốc đã bắn chìm tàu HQ605 của ta trong khi ta gắng sức giữ lại Gạc Ma. Sau đó tại Len Đao, ta lại đấu tranh kiên quyết khiến Trung Quốc phải lui quân. Trong trận hải chiến ở Trường Sa lần này, mặc dù tương quan lực lượng chênh lệch, vũ khí vẫn còn hạn chế, nhưng các cán bộ, chiến sĩ hải quân của ta đã không quản ngại khó khăn, gian khổ hay cái chết cận kề để có thể bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Vị trí địa lý và tiềm năng biển Đông

Xin cho biết vài nét về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tiềm năng của biển Đông?



Xem trưng bày tài nguyên biển Hoàng Sa - Trường Sa trong Viện Hải dương học - Ảnh: Thuận Thắng

Biển Đông là một biển nửa kín, có diện tích khoảng 3,5 triệu km², trải rộng từ 30 đến 260 vĩ bắc và từ 100o đến 121o kinh đông. Ngoài Việt Nam, còn có tám nước khác tiếp giáp với biển Đông là Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan và Campuchia. Theo ước tính sơ bộ, biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của khoảng 300 triệu dân các nước này. Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực mà còn cả của châu Á - Thái Bình Dương và Mỹ. Biển Đông còn là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên biển quan trọng cho đời sống và sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh, đặc biệt là nguồn tài nguyên sinh vật (thủy sản), khoáng sản (dầu khí), du lịch và là khu vực đang chịu sức ép lớn về bảo vệ môi trường sinh thái biển. Trong khu vực, có các nước đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines, trong đó Trung Quốc là nước đánh bắt cá lớn nhất thế giới (khoảng 4,38 triệu tấn/năm), Thái Lan đứng thứ 10 thế giới (với khoảng 1,5 - 2 triệu tấn/năm), cả khu vực

đánh bắt khoảng 7 - 8% tổng sản lượng đánh bắt cá trên toàn thế giới. Biển Đông còn được coi là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Các khu vực thềm lục địa có tiềm năng dầu khí cao là các bồn trũng Brunei-Saba, Sarawak, Malay, Pattani Thái, Nam Côn Sơn, Mê Kông, sông Hồng, cửa sông Châu Giang. Hiện nay, hầu hết các nước trong khu vực đều là những nước khai thác và sản xuất dầu khí từ biển như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan... trong đó Indonesia là thành viên của OPEC.

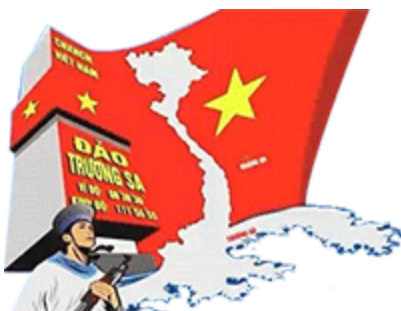
Theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ, lượng dự trữ dầu đã được kiểm chứng ở biển Đông là 7 tỷ thùng với khả năng sản xuất 2,5 triệu thùng/ngày. Theo đánh giá của Trung Quốc, trữ lượng dầu khí ở biển Đông khoảng 213 tỷ thùng, trong đó vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có thể lên tới 105 tỷ thùng. Với trữ lượng này, sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm duy trì được trong vòng 15 - 20 năm tới.

Tại vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, nhiều bể trầm tích có triển vọng dầu khí đã được xác định, trong đó các bể trầm tích Cửu Long và Nam Côn Sơn được đánh giá có triển vọng dầu khí lớn nhất, điều kiện khai thác tương đối thuận lợi. Tổng trữ lượng dự báo địa chất về dầu khí của toàn thềm lục địa Việt Nam đạt xấp xỉ 10 tỷ tấn dầu quy đổi, trữ lượng khai thác khoảng 2 tỷ tấn và trữ lượng dự báo của khí khoảng 1.000 tỷ mét khối. Các khu vực có tiềm năng dầu khí còn lại chưa khai thác là khu vực thềm lục địa ngoài cửa vịnh Bắc bộ và bờ biển miền Trung, khu vực thềm lục địa Tư Chính. Trữ lượng và sản lượng dầu khí của Việt Nam đứng vào hạng trung bình trong khu vực, tương đương Thái Lan và Malaysia. Ngoài ra, theo các chuyên gia Nga thì khu vực vùng biển Hoàng Sa còn chứa đựng tài nguyên khí đốt đóng băng, trữ lượng loại tài nguyên này trên thế giới ngang bằng với trữ lượng dầu khí và đang được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai gần. Đối với Việt Nam, biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cả trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Bờ biển nước ta vừa là cửa ngõ bang giao kinh tế vừa là tuyến phòng thủ hướng đông của đất

nước. Hầu hết các ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta đều gắn kết với biển như du lịch, dầu khí, thủy sản, giao thông vận tải, công nghiệp tàu thủy... Năm 2003, tổng GDP từ kinh tế biển và vùng ven biển ước tính đạt khoảng 197,3 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 1,54 tỷ USD, bằng khoảng 32,6% GDP của cả nước (GDP của năm 2003 đạt gần 336 nghìn tỷ đồng) và khu vực ven biển nước ta nuôi sống được khoảng 25 triệu người, bằng khoảng 31% dân số cả nước.

TS. TRẦN NAM TIẾN (Trích "Hoàng Sa - Trường Sa: Hỏi và đáp",
NXB Trẻ năm 2011)

(Báo Tuổi Trẻ online, số ra ngày 25/8/2012)



Sự kiện Vịnh Bắc Bộ và chiến công đánh thắng trận đầu ngày 2 và 5-8-1964

Cách đây 50 năm, nhằm tạo cơ leo thang đánh phá miền Bắc Việt Nam, Nhà Trắng và Lầu Năm góc đã dựng lên màn kịch "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" với những lập luận mập mờ và dối trá rằng: Đêm 4 tháng 8 năm 1964, các tàu phóng lôi của Hải quân Bắc Việt Nam đã vô cớ tấn công tàu khu trục của Mỹ trên vùng biển quốc tế...

Cách đây 50 năm, nhằm tạo cơ leo thang đánh phá miền Bắc Việt Nam, Nhà Trắng và Lầu Năm góc đã dựng lên màn kịch "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" với những lập luận mập mờ và dối trá rằng: Đêm 4 tháng 8 năm 1964, các tàu phóng lôi của Hải quân Bắc Việt Nam đã vô cớ tấn công tàu khu trục của Mỹ trên vùng biển quốc tế. Màn kịch đó đã có hiệu quả "ức thì", giới điều hâu Mỹ xoa dịu được dư luận phản đối, trước hết là nhân dân Mỹ, tiếp đó đã đánh lừa được Quốc hội Mỹ trong việc cho phép Tổng thống được toàn quyền hành động.

Sự thật, ngày 2 tháng 8 năm 1964 đã diễn ra cuộc đụng độ khi tàu khu trục Ma-đốc của Mỹ ngang nhiên vi phạm có hệ thống lãnh hải miền Bắc Việt Nam từ Đèo Ngang (Quảng Bình) ra đảo Hòn Mê (Thanh Hoá). Trước hành động xâm phạm chủ quyền của Hải quân Mỹ, Phân đội 3 tàu phóng lôi của Tiểu đoàn 135 Hải quân Việt Nam đã được lệnh đánh đuổi tàu Ma-đốc của địch tại khu vực phía đông Hòn Mê trong lãnh hải Việt Nam. Với tinh thần quyết chiến quyết thắng, phân đội trực tiếp tham gia chiến đấu của Hải quân Việt Nam đã dũng cảm, mưu trí tiếp cận bắn bị thương tàu Ma-đốc, bắn rơi 1 máy bay và bắn bị thương một

chiếc khác, buộc địch phải tháo chạy ra khỏi lãnh hải miền Bắc Việt Nam. Điều này được dư luận nhiều nước, có cả dư luận Mỹ thừa nhận và kịch liệt lên án hành động xâm phạm trắng trợn đó của Hải quân Mỹ.

Giới điều hâu Mỹ hiểu rằng, nếu chỉ vin vào cái cớ mà sự dối trá đã bị phơi bày để đánh phá miền Bắc Việt Nam thì “chưa đủ sức thuyết phục” dư luận. Vì vậy, Mỹ phải dựng thêm sự kiện khác rằng: "Đêm 4 tháng 8 năm 1964, các tàu phóng lôi của Hải quân miền Bắc Việt Nam một lần nữa lại vô cớ tấn công tàu khu trục Ma-đốc và Tơ-nơ-gioi của Mỹ đang hoạt động bình thường trên vùng biển quốc tế". Đây là sự bịa đặt trắng trợn, bởi hôm đó thời tiết rất xấu, ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ đang có giông bão, hoàn toàn không có một tàu phóng lôi hoặc tàu chiến đấu nào của miền Bắc Việt Nam hoạt động trong khu vực mà Mỹ rêu rao.

Thế nhưng, bất chấp dư luận và lẽ phải, Tổng thống Mỹ vẫn vin vào cớ đó để ngày 5 tháng 8 năm 1964 ra lệnh tiến hành Chiến dịch "Mũi tên xuyên", bắt ngờ cho 64 lần chiếc máy bay đánh “trả đũa” ồ ạt vào 4 khu vực mục tiêu ven biển miền Bắc Việt Nam là Cảng Gianh (Quảng Bình), Vinh-Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hóa) và Bãi Cháy (Quảng Ninh) mở đầu cho cuộc chiến tranh phá hoại quy mô lớn vào miền Bắc Việt Nam.

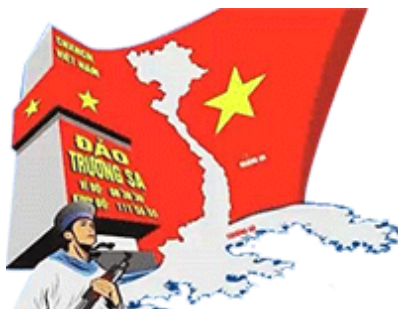
Dưới sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, do được chuẩn bị chu đáo từ trước, với tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu cao độ, hành động xâm lược của đế quốc Mỹ vào nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 5 tháng 8 năm 1964 đã bị quân và dân miền Bắc với nòng cốt là lực lượng phòng không của Quân chủng Phòng không-Không quân, Quân chủng Hải quân đã dũng cảm, mưu trí giáng trả kịp thời và kiên quyết bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương 3 chiếc khác, bắt sống và tiêu diệt nhiều phi công Mỹ. Thất bại đó đã làm cho Lầu năm góc và chính quyền Mỹ sửng sốt, bàng hoàng, vì trong lịch sử sử dụng không quân của Hoa kỳ, chưa có trận nào lần đầu bất ngờ ném bom đối phương lại bị bắn rơi nhiều máy bay như trận ngày 5 tháng 8 năm 1964.

Thất bại bởi do Mỹ đã đánh giá nhầm sức mạnh và ý chí chiến đấu của dân tộc Việt Nam, một dân tộc có bề dày truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong quá trình dựng nước và giữ nước. Chiến thắng oanh liệt này đã mở ra truyền thống đánh thắng trận đầu của quân và dân miền Bắc trong cuộc đọ sức với lực lượng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ.

Sự kiện đánh đuổi tàu Ma-đốc và chiến công đánh thắng trận đầu của quân và dân miền Bắc có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt, đặc biệt là về mặt chính trị và quân sự; là một mốc son chói lọi trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Chiến công đánh thắng trận đầu ngày 5 tháng 8 năm 1964 đã giáng một đòn mạnh vào ý chí leo thang chiến tranh của kẻ thù; tạo khí thế, niềm tin vào vũ khí, trình độ tổ chức, chỉ huy, vào khả năng chiến đấu của bộ đội, đồng thời khẳng định quân và dân ta hoàn toàn có khả năng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân Mỹ - đội quân xâm lược nhà nghề mạnh nhất của chủ nghĩa đế quốc. Đây là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân, của nghệ thuật tác chiến phòng không ba thứ quân trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến thắng đó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của đồng bào và chiến sĩ miền Nam tiếp tục tiến lên giành nhiều thắng lợi quyết định.

Qua “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” và chiến công đánh thắng trận đầu, chúng ta đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý giá về nghệ thuật nghiên cứu đánh giá tình hình địch, đặc biệt là phải nhận rõ nguyên nhân, nguyên cơ, âm mưu của kẻ thù để có phương thức đối phó kịp thời, hiệu quả, kiên quyết không mắc mưu địch trong mọi tình huống. Các bài học về chỉ đạo chiến lược của Đảng, Nhà nước đối với toàn dân và toàn quân ta trong việc thường xuyên cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, luôn chủ động tiến công địch. Các bài học về nghệ thuật tạo lập thế trận, xác định hướng, khu vực, mục tiêu đánh phá; nghệ thuật tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng; nghệ thuật về công tác chỉ huy, hiệp đồng, bảo đảm của lực lượng phòng không ba thứ quân đánh địch tiến công hỏa lực đường không trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thạc sĩ PHẠM ĐỨC TRƯỜNG (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam)



Độc đảo Đường Hồ Chí Minh trên biển

Phải đương đầu với một kẻ thù hung bạo, có tiềm lực và sức mạnh quân sự, kinh tế, trình độ khoa học, công nghệ hiện đại hơn gấp nhiều lần nên sau khi có Nghị quyết Trung Ương 15 (1959), Đảng ta chủ trương chuyển hướng chiến lược của cách mạng miền Nam từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cũng từ đó, nhu cầu chi viện cho các chiến trường miền Nam ngày càng lớn.

Ngày 23-10-1961, Bộ Chính trị và Quân Ủy Trung Ương quyết định thành lập Đoàn Vận tải biển 759. Ngày 24-1-1964, Đoàn 759 được điều chỉnh tổ chức, phát triển thành Đoàn 125 Hải quân. Ngay sau khi ra đời, Đoàn 759 đã xác định phương châm vận chuyển: Kết hợp hoạt động hợp pháp và bất hợp pháp; lấy hoạt động hợp pháp làm phương thức chủ yếu. Trong quá trình vận chuyển, đơn vị phải chủ động, táo bạo, bất ngờ, lợi dụng sơ hở của địch để đưa hàng đến bến; đồng thời phải có các phương án linh hoạt để đối phó khi bị phát hiện. Trong trường hợp bị địch phát hiện, phải kiên quyết chiến đấu bảo vệ hàng; nếu cần thì nổ tàu để giữ bí mật...

Trong suốt 14 năm làm nhiệm vụ vận tải chiến lược quân sự trên biển (1961-1975), Đoàn 125 đã huy động 1.879 lượt tàu, thuyền, vận chuyển gần 153.000 tấn vũ khí, trang bị kỹ thuật, thuốc chữa bệnh và hơn 80.000 cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào miền Nam, chiến đấu hàng trăm trận với máy bay, tàu chiến của Mỹ và ngụy quân Sài Gòn.



Một chuyến tàu của Đoàn tàu Không số trên đường vận chuyển vũ khí chi viện cho miền Nam. Ảnh tư liệu

Có thể nói, tuyến vận tải chiến lược-Đường Hồ Chí Minh trên biển đã trở thành huyền thoại, một kỳ tích của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó không chỉ là phương thức chi viện mới, hết sức quan trọng, trực tiếp bảo đảm cho các chiến trường mà còn là nét độc đáo, sự sáng tạo của chiến tranh nhân dân trong thời đại Hồ Chí Minh.

Đường Hồ Chí Minh trên biển thể hiện tầm nhìn chiến lược và sự sáng tạo trong giải quyết mối quan hệ giữa hậu phương với tiền tuyến-nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh. Cùng với Đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn, Đường Hồ Chí Minh trên biển tạo thành hai tuyến vận tải chiến lược, bổ sung, hỗ trợ cho nhau, giải quyết nhu cầu của hai hướng chiến lược trên chiến trường Nam Bộ là cánh đông và cánh tây. Mỗi tuyến vận tải chiến lược có vị trí, vai trò khá độc lập, nhưng đặt trong tổng thể đã tạo nên hệ thống giao thông huyết mạch chủ đạo và hoàn chỉnh để chi viện kịp thời, hiệu quả sức người, sức của cho miền Nam đánh thắng quân thù. Đường Hồ Chí Minh trên

biển thể hiện quyết tâm chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Đường Hồ Chí Minh trên biển ra đời vào thời điểm khó khăn, gian khổ, ác liệt nhất của cuộc chiến tranh. Trong khi địch được trang bị các loại vũ khí, thiết bị hiện đại, tối tân, ta mới chỉ có những loại tàu, thuyền nhỏ bé, thô sơ, nhưng với tầm nhìn, bản lĩnh và tài thao lược của Đảng, ý chí và khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước của toàn dân tộc, chúng ta đã biết dựa vào khả năng to lớn của nhân dân để vượt qua mọi khó khăn, từng bước đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam trong những thời điểm khó khăn, ác liệt nhất.

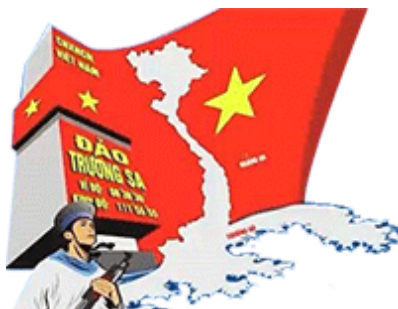
Đường Hồ Chí Minh trên biển đã quy tụ được sức mạnh của toàn dân tộc, với một quyết tâm sắt đá không gì lay chuyển, đó là dám đánh, biết đánh và biết thắng Mỹ. Có được điều đó là nhờ Đảng ta đã vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, nghệ thuật giành thắng lợi từng bước trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận tải chi viện chiến lược trên biển. Các lực lượng trong quá trình làm nhiệm vụ, đặc biệt là Quân chủng Hải quân đã nắm chắc tình hình, chủ động xây dựng lực lượng, chuẩn bị phương tiện, huấn luyện chu đáo, hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để công tác vận tải đạt kết quả cao nhất. Các cấp lãnh đạo, chỉ huy quân chủng đã tham mưu đúng, trúng, chỉ huy thống nhất, quyết đoán, linh hoạt, liên tục và bí mật; triệt để tận dụng thời cơ, đa dạng hóa phương pháp vận tải để chuyển hóa thế trận, làm chủ các tình huống.

Trong quá trình mở tuyến vận tải quân sự trên biển, chúng ta còn biết chọn đúng thời cơ; kết hợp hoạt động bí mật và công khai; tàu có thể xuất phát từ nhiều bến (kể cả ở nước ngoài), cập bến ở nhiều điểm; đi trên nhiều cung, tuyến khác nhau, có giai đoạn đi vòng ra biển xa, hải phận quốc tế; địch phong tỏa đường trong ta đi đường ngoài, địch ngăn chặn đường dài ta đi phân đoạn, địch bám đuôi, ta đi ra vùng biển quốc tế, khi

địch phát hiện, áp sát tấn công hoặc cướp tàu, ta đánh trả quyết liệt, có lúc phải phá hủy tàu để giữ bí mật...

Thiếu tướng, PGS, TS VŨ QUANG ĐẠO - Nguyên Viện trưởng Viện
Lịch sử quân sự Việt Nam

(Báo Quân đội nhân dân, mục Quốc phòng – An ninh, số ra ngày
19/9/2021)



Trường Sa 1988 - Hồ sơ một sự kiện lịch sử: Đêm trước cuộc động binh

Lời tòa soạn: Sau gần 35 năm, câu chuyện về cuộc thăm sát Gạc Ma năm 1988 vẫn còn nhiều lý do, chưa được kể lại một cách đầy đủ. Cuốn sách Trường Sa 1988 - Hồ sơ một sự kiện lịch sử do Võ Hà sưu tầm, biên soạn (Phanbook & NXB Đà Nẵng, 2021), dày gần 500 trang, là một hướng tiếp cận sự kiện mới mẻ. Tác phẩm tập hợp 159 bài báo, bản tin, xã luận, công hàm ngoại giao và tài liệu lịch sử, pháp lý xoay quanh sự kiện lịch sử này được đăng trên báo Nhân Dân và Quân đội nhân dân từ khoảng giữa tháng 2.1988 đến cuối tháng 6.1988 - trước, trong và sau sự kiện Gạc Ma ngày 14.3.1988. Thanh Niên xin giới thiệu đến bạn đọc loạt bài nhân kỷ niệm sự kiện lịch sử mà mỗi người Việt Nam không được phép lãng quên.

Sau sự kiện đất nước Việt Nam thống nhất vào mùa xuân năm 1975, Trung Quốc lợi dụng tình thế “tranh tối tranh sáng” để theo đuổi ý định xâm chiếm quần đảo Trường Sa. Đây là những bước đi tiếp theo, bộc lộ rõ tham vọng của một nước láng giềng; nhất quán với hành động dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa (1974) và cuộc chiến tranh biên giới phía bắc (17.2.1979) mà Trung Quốc từng tiến hành.

Nhưng với Trường Sa, mọi thứ đã bắt đầu từ trên mặt trận truyền thông, tuyên truyền khá ồn ào và phi lý.



Một bức tranh tuyên truyền hình tượng “anh hùng” của Hải quân Trung Quốc trong vụ cưỡng chiếm Hoàng Sa ngày 19 và 20.1.1974

Từ bức tranh giả “Tây Sa”

Một quang cảnh những đoàn thuyền đưa dân nô nức tiến ra “Tây Sa” (Hoàng Sa của Việt Nam) sinh sống, ở đó nông dân thì trồng cao lương, công nhân thì tích cực lao động xây dựng công trường, ngư dân thì hằng say đánh bắt, dân quân thì ngày đêm canh gác tuần tra bảo vệ đảo... Đó là

những gì xuất hiện trên các báo chí của Trung Quốc từ đầu tháng 2.1974, sau khi quân đội nước này dùng vũ lực đánh chiếm Hoàng Sa do chính quyền miền Nam Việt Nam quản lý (19.1.1974).

Quyết tâm bảo vệ “Tây Sa” được Trung Quốc tô đậm trên báo chí truyền thông với đủ thể loại, ngôn ngữ. Tiêu biểu là cuốn tiểu thuyết Người con Tây Sa của Hạo Nhiên được xuất bản và được giới phê bình Trung Quốc nhảy vào thổi phồng, ca ngợi. Cuộc triển lãm Quần đảo Tây Sa, một trong các đảo ở Nam Hải nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã mang đến công chúng 100 bức ảnh màu chụp cảnh “quân dân Tây Sa”.

Ngoài ra, nhiều chương trình văn nghệ lấy Tây Sa làm nguồn cảm hứng đã diễn ra ở Bắc Kinh nhằm mang đến cho người dân Trung Quốc một cái nhìn về “Tây Sa” thật gần gũi, hợp thức và củng cố niềm tin rằng đó là một phần lãnh thổ đất nước.

Tác giả Văn Trọng, trong cuốn Hoàng Sa - Quần đảo Việt Nam (NXB Khoa học xã hội ấn hành năm 1979) đã viết về cuộc tuyên truyền “Tây Sa” của Trung Quốc trong thời gian này: “Năm 1975, nổi bật là các tin tức, tàu hải quân đi tuần tiễu, tàu đánh cá của Công ty thủy sản Nam Hải, nhà ba tầng, trụ sở cơ quan, trạm khí tượng... ở “Tây Sa”.

Năm 1976, người ta lại được đọc thơ Hạt giống Đại Trại gieo khắp Tây Sa, xem ảnh Tây Sa thu hoạch cá, đọc bài Tây Sa đáng yêu, xem tranh khắc gỗ Tây Sa gắn liền với Thiên An Môn, xem phim Nam Hải phong vân với lời bình trắng đen đảo lộn hiếm thấy rằng: “Nam Việt Nam ngang nhiên huy động máy bay, tàu chiến xâm phạm vùng trời vùng biển các đảo Nam Hải, cưỡng chiếm các đảo của chúng ta, nổ súng bắn vào ngư dân ta đang sản xuất và tàu chiến hải quân ta đang làm nhiệm vụ tuần tra...”.

Cũng theo tác giả Văn Trọng trong cuốn sách nói trên, tại Trung Quốc, việc tuyên truyền về “Tây Sa” như một chính sách đối nội mị dân được tiến hành liên tục trong giai đoạn từ năm 1977 - 1979. Có thể kể đến bản hợp xướng Ánh đèn Tây Sa được phát hành dưới dạng đĩa hát,

các phim ảnh ca ngợi “Tây Sa” được phát trên vô tuyến truyền hình và cuộc triển lãm Thủ công mỹ nghệ của Tây Sa diễn ra tại công viên Trung Sơn (Bắc Kinh).

... đến tầm ngặ́m “Nam Sa”

Sau khi tự củng cố niềm tin chủ quyền trong dân chúng với “Tây Sa”, những bước tiến với ý định chiếm hữu “Nam Sa” (tức Trường Sa của Việt Nam) được Trung Quốc thực hiện ban đầu cũng trên phương diện ngoại giao.

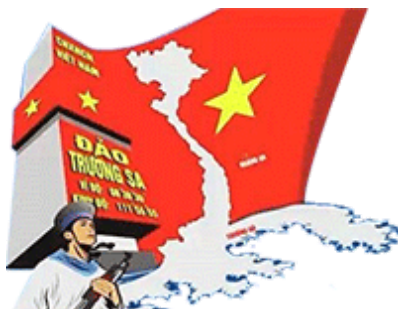
Đối với tài liệu bản đồ, ngày 30.1.1980, ít lâu sau khi bị quân đội Việt Nam đẩy lùi ở biên giới phía bắc, Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra một văn kiện, theo đó công bố bản đồ thời nhà Thanh để chứng minh chủ quyền ở “Nam Sa và Tây Sa”. Đó là hai bản đồ: “Hoàng triều nhất thống dư địa tổng đồ” trong cuốn Hoàng Thanh nhất thống dư địa đồ, xuất bản năm Quang Tự thứ 20 (1894) và “Đại Thanh đế quốc” trong tập Đại Thanh đế quốc toàn đồ do Thương vụ ấn thư quán Thượng Hải xuất bản năm Quang Tự thứ 31 (1905), tái bản năm Tuyên Thống thứ 2 (1910).

Tuy nhiên, điều đáng nói là trong văn kiện ngoại giao trên, phía Trung Quốc chỉ nêu tên mà không đính kèm bản đồ để làm bằng chứng. Trong khi đó, thực tế thì các bản đồ Trung Quốc cho đến thời điểm thời kỳ đầu của Trung Hoa dân quốc (kể cả hai bản đồ thời nhà Thanh đã được nêu) đều không vẽ “Tây Sa” và “Nam Sa” như phía Trung Quốc nói, mà lãnh hải Trung Quốc chỉ có ranh giới đến đảo Hải Nam.

Về phía Việt Nam, cuộc chiến giành chủ quyền Trường Sa và Hoàng Sa trong khoảng 1975 đến 1988 diễn ra thực sự căng thẳng về truyền thông, nghiên cứu và ngoại giao trước khi Trung Quốc tiến hành cuộc xâm nhập trên thực địa.

VÕ HÀ

(Báo Thanh Niên, mục Văn hóa, số ra ngày 10/03/2022)



Trường Sa 1988 - HỒ sơ một sự kiện lịch sử: Mở màn cuộc thảm sát Gạc Ma

Tối ngày 11.3.1988, tàu vận tải HQ-604 nhổ neo rời cảng Cam Ranh chở theo chiến sĩ công binh Trung đoàn 83 và lực lượng giữ đảo của Lữ đoàn 146 ra bãi đá Gạc Ma để xây dựng tại cụm đảo Gạc Ma, Cô Lin và Len Dao.

Đó là chuyến ra khơi cuối cùng của con tàu này và là chuyến đi định mệnh của nhiều chiến sĩ trên tàu...



Tàu HQ - 604 rời đất liền ra Trường Sa làm nhiệm vụ xây dựng đảo ba ngày trước khi xảy ra vụ thảm sát Gạc Ma (14.3.1988)

Lấy chiến hạm tấn công tàu vận tải

Thời điểm căng thẳng Trung Quốc đe dọa dùng vũ lực, phía Việt Nam cũng chỉ có ba tàu vận tải, chủ yếu là lực lượng công binh hải quân ra làm nhiệm vụ xây dựng tại đảo, đá với 2 phân đội công binh gồm 70 người và 4 tổ chiến đấu.

Các tàu vận tải của Việt Nam gồm: HQ-604, HQ-505, HQ-605, đều là những tàu vận tải không trang bị vũ khí, ngoài các khẩu AK của các chiến sĩ công binh để tự vệ khi cần thiết.

Trong khi đó, phía Trung Quốc đã tổ chức một chiến dịch quân sự rất rõ ràng nhằm tiến hành xâm chiếm lãnh thổ thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Tối ngày 11.3.1988, tàu HQ-604 nhổ neo từ Cam Ranh ra khơi, thực hiện nhiệm vụ tại cụm đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao. Hai giờ sáng ngày 12.3.1988, nhận thấy nhiều diễn biến bất thường, Tư lệnh Quân chủng Hải quân lệnh cho tàu HQ-605 thuộc Lữ đoàn 125 từ đá Đông đến đóng giữ đá Len Đao trước 6 giờ ngày 14.3.1988.

Sau 29 tiếng vượt sóng, tàu HQ-605 đến Len Đao lúc 5 giờ sáng ngày 14.3.1988 và cắm cờ Tổ quốc trên bãi đá này. Tàu HQ-505 đang làm nhiệm vụ trực tại Trường Sa cũng nhận lệnh đến Cô Lin. Phối hợp với hai tàu HQ-505 và HQ-604 có hai phân đội công binh (70 người) thuộc Trung đoàn Công binh 83, bốn tổ chiến đấu (22 người) thuộc Lữ đoàn 146 do trung tá, Lữ đoàn phó Trần Đức Thông chỉ huy và 4 chiến sĩ đo đạc của Đoàn đo đạc, biên vẽ bản đồ (thuộc Bộ Tổng tham mưu).

Sau khi tàu HQ-604 và HQ-605 có mặt tại Gạc Ma vào chiều tối 13.3.1988, tàu Trung Quốc áp sát tàu HQ-604 và dùng loa gọi sang uy hiếp. Chiến hạm của Trung Quốc cùng một tàu hộ vệ, hai tàu vận tải thay nhau chạy quanh đảo Gạc Ma. Đêm 13.3.1988, Sở Chỉ huy Quân chủng Hải quân lệnh cho bộ phận giữ đảo quyết tâm phải giữ vững các mục tiêu đã xác định và ngay trong đêm, xuống vận tải chở vật liệu xây dựng được chuyển xuống đảo. Một nhóm chiến sĩ gồm thiếu úy Trần Văn Phương và

4 đồng chí khác nhận lệnh vào đảo cắm cờ Tổ quốc khẳng định chủ quyền.

Về diễn biến của thăm sát Gạc Ma ngày 14.3.1988, trong bài viết: “Sự thật ở Trường Sa: cuộc tiến công bằng tàu khu trục tên lửa của Trung Quốc vào ba tàu vận tải không có vũ khí tiến công của ta ở vùng đảo Sinh Tồn”, tác giả Ngọc Đản thuật lại trên Báo Nhân Dân số ngày 24.3.1988:

“Ba chiếc tàu chiến mang số 556, 653 và 552 áp sát các tàu vận tải của ta. Có lúc tàu 505, 502 của chúng mở hết tốc độ như muốn lao thẳng vào các tàu HQ-604 và HQ-605 của ta ở Gạc Ma và Cô Lin. Lúc đó, trên đảo Gạc Ma, các chiến sĩ ta đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng ra hiệu cho các tàu chiến Trung Quốc biết đây là vùng đảo thuộc chủ quyền Việt Nam. Trên tàu HQ-604, loại tàu “Đại Khánh” do Trung Quốc sản xuất trọng tải 50 tấn, ta đã sử dụng hàng chục năm nay, đồng chí Thông (Trần Đức Thông) - cán bộ chỉ huy đứng trước mũi tàu nhắc nhở chiến sĩ tỉnh táo không để mắc mưu khiêu khích của địch. Đồng chí ra lệnh giọng vang át cả sóng biển: “Tất cả không được nổ súng khi tôi chưa ra lệnh!”.

Máu đã nhuộm biển quê hương

Sự khiêu khích, đe dọa của quân đội Trung Quốc không làm cho các công binh phía Việt Nam nhụt chí, nhất là không mắc mưu trong việc “ai nổ súng trước”.

Theo Báo Nhân Dân ngày 24.3.1988, ngay sau khi nhận thấy những màn khiêu khích không có tác dụng, thì: “Tàu chiến số 502 của Trung Quốc liền lao vào tàu vận tải HQ-604 của ta. Còn tàu HQ-604 vẫn hiên ngang không nhổ neo. Ngay phía sau tàu HQ-604, một số cán bộ, chiến sĩ do thiếu úy Trần Văn Phương - Trung đội trưởng thuộc đoàn Trường Sa trực tiếp chỉ huy đang làm nhiệm vụ trên đảo có cắm lá cờ Tổ quốc. Chủ quyền vùng đảo của chúng ta được khẳng định bằng chiếc tàu đang neo tại bến và các chiến sĩ trên đảo. Một phân đội nhỏ được lệnh xuống chiếc ghe nhỏ, chở hàng hóa lương thực, thực phẩm vào bờ, không mang theo vũ khí.

Điên cuồng trước thất bại uy hiếp tàu vận tải HQ-604 của ta, từ trên chiếc tàu chiến số 502, bọn chỉ huy Trung Quốc ra lệnh cho bọn lính chuyển xuống xuống máy tiến công vào đảo Gạc Ma. Có 71 tên do một tên cầm súng ngăn chỉ huy, đứa nào cũng cắt tóc ngắn, lăm lăm súng AK đeo dây băng đạn trước ngực, súng đã giương lên... Tên chỉ huy lăm lăm khẩu súng ngắn cùng hàng chục tên tràn lên bãi đảo của ta, nơi đã có lá cờ Tổ quốc Việt Nam và các chiến sĩ Trường Sa.

Lúc này, lính Trung Quốc chĩa mũi súng vào thiếu úy Trần Văn Phương. Một số tên nói tiếng Việt trắng trợn gào thét: “Đây vùng đảo của Trung Quốc”. Thiếu úy Trần Văn Phương và các chiến sĩ lên tiếng trả lời: “Hãy bỏ súng xuống! Không nên gây đổ máu!”.

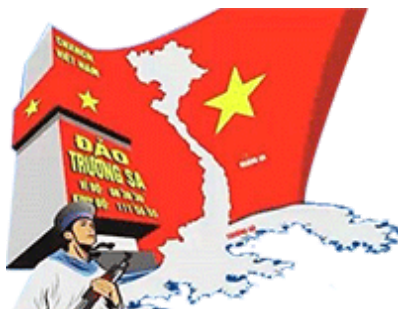
Câu nói của thiếu úy Trần Văn Phương chưa dứt, một tên đã nhào vô hòng nhổ lá cờ đỏ sao vàng. Thiếu úy Trần Văn Phương nhanh tay giằng lấy, Nguyễn Văn Lan, binh nhất 22 tuổi lao lên giữ cờ. Một tên lính Trung Quốc cao to, giữ chiếc máy bộ đàm nhỏ trên tay nắm ngay chiếc xà beng của chiến sĩ ta để trên đảo từ phía sau lao xả vào lưng anh. Anh kịp tránh: Thiếu úy Trần Văn Phương giữ chặt lá cờ Tổ quốc thì bị một tên khác bắn xả vào anh một loạt đạn AK.

Trần Văn Phương ngã xuống, Nguyễn Văn Lan vừa đánh bật khẩu súng ngắn trên tay tên chỉ huy thì một tên lính khác dùng lưỡi lê đâm thẳng vào phía sau lưng Lan chệch vào bả vai bên trái. Nó bắn tiếp viên đạn AK vào Lan trúng sát vết lê đâm. Anh gục xuống trong dòng máu đỏ”.

(Lược trích: Trường Sa 1988 - Hồ sơ một sự kiện lịch sử, Võ Hà sưu tầm, biên soạn, Phanbook & NXB Đà Nẵng, 2021)

VÕ HÀ

(Báo Thanh Niên, mục Văn hóa, số ra ngày 13/03/2022)



Gạc Ma - Tổ quốc là vĩnh cửu

Không được lùi bước. Phải để cho máu mình tô thắm lá cờ Tổ quốc... Câu nói của anh hùng liệt sĩ - thiếu úy Trần Văn Phương, Phó chỉ huy trưởng đảo Gạc Ma 34 năm trước là một tuyên ngôn bất tử về Trường Sa.

Ngày 14/3/1988, Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm đóng trái phép đảo Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. 64 chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam đã làm nên “Vòng tròn bất tử” vì Tổ quốc.



Cụm tượng đài "Những người nằm lại phía chân trời" tại khu tưởng niệm Gạc Ma, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm (Khánh Hòa)

34 năm trôi qua, chúng ta nhắc lại sự kiện này để thêm một lần tưởng nhớ, ghi ơn những người đã hy sinh vì Tổ quốc và tái khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc đối với quần đảo Hoàng sa, Trường Sa.

64 chiến sĩ hải quân nhân dân Việt Nam đã gác lại bao hoài bão, dâng hiến tuổi thanh xuân của mình để xác lập chủ quyền biển đảo. “Không được lùi bước. Phải để cho máu mình tô thắm lá cờ Tổ quốc và truyền thống vinh quang của quân chủng”. Câu nói của anh hùng liệt sĩ - thiếu úy Trần Văn Phương, Phó chỉ huy trưởng đảo Gạc Ma 34 năm trước không chỉ thể hiện khí phách anh hùng của những người lính giữa biển khơi, mà còn là tư thế của những người làm chủ thực sự chủ quyền biển đảo dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Đó như là một tuyên ngôn bất tử về Trường Sa. Với họ, Tổ quốc luôn là vĩnh cửu và không có sự hy sinh nào cao cả hơn, thiêng liêng hơn bằng sự hy sinh vì Tổ quốc. Sự hy sinh của họ, dân tộc Việt Nam luôn khắc ghi.

Họ là một phần của lịch sử

34 năm qua, sóng biển có thể xóa nhòa dấu vết nhưng không bao giờ xóa nhòa được ký ức bi tráng của người dân đất Việt về những con người quả cảm, không tiếc máu xương để gìn giữ chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

Máu của các anh đã hòa lẫn vào biển xanh, xương của các anh đã hòa tan vào đáy đại dương. Sự hy sinh của những người anh hùng được dựng thành tượng đài bất tử về tình yêu Tổ quốc.

34 năm qua, Biển Đông vẫn chưa ngơi bão tố. Thời gian có lùi xa bao nhiêu, lịch sử có biến đổi thăng trầm như thế nào thì cuộc chiến đấu tự vệ và bảo vệ quần đảo Trường Sa của Hải quân nhân dân Việt Nam vẫn luôn luôn thức tỉnh khối óc và lay động trái tim mỗi người Việt về nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

Hè năm 2017, tôi là giáo viên SỬ có may mắn được tham gia lễ khánh thành Khu tưởng niệm chiến sỹ Gạc Ma với tên gọi “Những người nằm lại phía chân trời” tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Ấn tượng nhất khi tôi đến không gian đặc biệt này là cụm tượng giữa “Vòng tròn bất tử”, biểu tượng của mặt trời chân lý và sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực của các thế hệ người Việt Nam quyết tâm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng Tổ quốc.



Tại khu trưng bày trong bảo tàng ngầm ở xã Cam Hải Đông, người thân bùi ngùi bên chân dung các liệt sỹ. Ảnh: Người Lao động

Bảo tàng ngầm hình tròn quanh hồ nước với 64 bông hoa muống biển bao quanh lá cờ Tổ quốc, biểu tượng cho 64 chiến sỹ đã anh dũng hy sinh. Đây là nơi trưng bày các bằng chứng lịch sử và pháp lý về chủ quyền của các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và đảo Gạc Ma nói riêng. Quảng trường Hòa bình hướng ra Biển Đông với khu “mộ gió” của 64 liệt sỹ Gạc

Ma với đầy đủ họ, tên, địa chỉ là tình cảm của nhân dân trong đất liền luôn hướng ra những người lính đảo.

Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma đã dần trở thành địa chỉ quen thuộc của đồng bào, chiến sĩ cả nước, của thân nhân các cựu chiến binh Gạc Ma và đồng đội mỗi khi đến ngày 27/7 và ngày 14/3 suốt 5 năm qua.

Rất nhiều năm, cứ đến dịp 14/3, Ban liên lạc cựu chiến binh Gạc Ma - HQ 604 gặp gỡ nhau để tổ chức lễ tri ân, tưởng nhớ 64 chiến sĩ hy sinh tại Gạc Ma ngày 14/3/1988. Những người lính già lặng lẽ, trang nghiêm, cắm lều thấp nển, thả đèn hoa đăng và những vòng hoa trên biển tri ân đồng đội.

Tổ quốc không quên các anh, lịch sử sẽ khắc ghi tên các anh và đồng đội luôn tưởng nhớ các anh - những người anh hùng nắm tay nhau làm nên vòng tròn bất tử giữa biển khơi.



Ảnh: Kiên Trung

Khu tưởng niệm các chiến sĩ Gạc Ma là “địa chỉ đỏ” để góp phần nhắc nhở, giáo dục các thế hệ mai sau về một sự kiện đau thương và anh dũng với những người đã ngã xuống vì Tổ quốc.

Ký Ức bi tráng không thể xoá nhòa

Trong cuộc đấu tranh khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, chúng ta có đầy đủ cơ sở lịch sử và pháp lý.

Bằng chứng lịch sử và pháp lý về chủ quyền của Việt Nam với quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa đã được nhiều quốc gia, cộng đồng quốc tế và nhiều nhà khoa học khẳng định. Đó là, Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình đối với hai quần đảo này, ít nhất là từ thế kỷ 17, khi hai quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào.

Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo này là rõ ràng, liên tục, hòa bình, phù hợp với nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ hiện hành - nguyên tắc chiếm hữu thật sự của công pháp quốc tế.



Những người lính giữ đảo hôm nay. Ảnh: Kiên Trung

Văn kiện Đại hội 13 của Đảng nêu rõ quan điểm nhất quán, trong đó có các nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên: Giữ vững môi trường hòa bình, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc; Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo...

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, chúng ta luôn cần quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ quyền biển đảo là chủ quyền quốc gia, lợi ích quốc gia thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là cái “bất biến”. Cái “vạn biến” là cách ứng xử linh hoạt, khôn khéo trong đấu tranh bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ.

Trong bối cảnh Biển Đông thường có “sóng” từ bên ngoài đe dọa chủ quyền quốc gia, chúng ta luôn phải kiên định đấu tranh bảo vệ chủ quyền

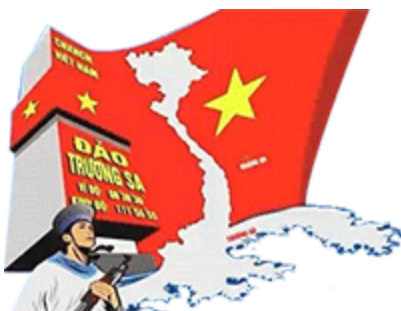
biển đảo bằng giải pháp hòa bình, bằng sức mạnh tổng hợp: đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao, chứng cứ lịch sử và pháp lý. Đối mặt với các hành động khiêu khích, gây hấn, chúng ta kiên trì, tránh xung đột. Nhưng khi chủ quyền bị xâm phạm, chúng ta sẵn sàng đáp trả bằng quyền tự vệ chính đáng.

34 năm đã lùi xa, nhắc lại Gạc Ma để thế hệ trẻ đang thụ hưởng nền hòa bình luôn biết tưởng nhớ và tri ân các bậc tiền nhân đã xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền, đã chiến đấu và hy sinh vì chủ quyền biển đảo, để sống có trách nhiệm hơn và yêu Tổ quốc mình hơn.

Ghi nhớ nỗi đau trong quá khứ để chúng ta nâng niu, trân trọng và gìn giữ nền hòa bình đang có, để ký ức về Gạc Ma không bao giờ bị xóa nhòa trong lòng mỗi người con đất Việt.

TRẦN TRUNG HIẾU

(Báo điện tử Vietnamnet, số ra ngày 14/3/2022)



Trung Quốc đưa giàn khoan dầu khí Hải Dương 981 vào Biển Đông - Vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế

(ĐCSVN) - Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt giàn khoan dầu khí Hải Dương 981 trong vùng biển của Việt Nam. Trung Quốc còn thường xuyên duy trì trên 100 tàu, trong đó có nhiều tàu chiến cỡ lớn và máy bay quân sự, chủ động đâm va tàu thực thi pháp luật của Việt Nam trên một phạm vi rộng lớn hàng chục hải lý xung quanh vị trí giàn khoan Hải Dương 981.

Việc làm trên của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế. Cụ thể, Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; vi phạm luật pháp quốc tế về cấm sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế nói chung và trong việc giải quyết tranh chấp nói riêng; vi phạm Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) mà Trung Quốc là bên tham gia ký kết; trái với Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển Việt Nam – Trung Quốc ký năm 2011.

Theo quy định Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, một quốc gia ven biển có quyền có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, quốc gia ven biển hoàn toàn có quyền khai thác tài nguyên trên biển cũng như dưới đáy biển. Các quốc gia khác chỉ có quyền qua lại

vô hại trên biển và nếu muốn thực hiện hoạt động kinh tế trong khu vực này phải được sự đồng ý của quốc gia ven biển.

Đến 16 giờ ngày 1/6, bất ngờ tàu Hải cảnh 46105 của Trung Quốc đột ngột tăng tốc rồi hung hăng dùng vòi rồng phun xịt vào tàu CSB 2016 của Việt Nam. Trung Quốc ngang ngược cho rằng giàn khoan Hải Dương 981 nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của cái gọi là “Tây Sa” (Hoàng Sa) mà Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng trái phép. Điều này hoàn toàn phi pháp, vì các lý do sau:

Thứ nhất, Hoàng Sa không phải là của Trung Quốc. Hoàng Sa là lãnh thổ không thể tranh cãi của Việt Nam. Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý chứng minh điều này, ít nhất từ thế kỷ 17, nhà Nguyễn đã xác lập chủ quyền và có các hoạt động khẳng định chủ quyền nhà nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cụ thể, nhà Nguyễn đã thành lập Hải đội Hoàng Sa để khai thác kinh tế đối với hai quần đảo này và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong suốt mấy thế kỷ kể từ thời điểm đó mà không bị một nước nào phản đối, kể cả Trung Quốc. Với một thời gian dài như vậy, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở pháp lý để khẳng định rằng chủ quyền của Việt Nam từ thời phong kiến đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được xác lập. Sau thời kỳ nhà Nguyễn, chính quyền bảo hộ Pháp và Việt Nam đều tiếp tục duy trì chủ quyền và quản lý trên thực tế đối với hai quần đảo này. Năm 1956, Trung Quốc đưa quân sử dụng vũ lực đánh chiếm khu vực phía Đông và năm 1974, chiếm khu vực phía Tây quần đảo này của Việt Nam. Theo luật pháp quốc tế, việc sử dụng vũ lực để chiếm hữu lãnh thổ là không được thừa nhận. Do đó, tuyên bố Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với “Tây Sa” (Hoàng Sa) là phi pháp. Từ sau năm 1974, Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, phản đối các hoạt động phi pháp cũng như yêu sách chủ quyền của Trung Quốc ở Hoàng Sa. Lập luận của Trung Quốc cho rằng giàn khoan Hải Dương 981 nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Trung Quốc vì Hoàng Sa là của Trung Quốc là sai trái về mặt luật pháp quốc tế.

Thứ hai, Trung Quốc cũng không thể lập luận rằng giàn khoan Hải Dương 981 nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Hoàng Sa theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, bởi các đảo đá tại Hoàng Sa có diện tích nhỏ (lớn nhất là đảo Phú Lâm có diện tích khoảng 2km vuông), không thỏa mãn điều kiện pháp lý áp dụng cho quy chế đảo là phải có đời sống kinh tế riêng và có thể tự duy trì cuộc sống. Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, các đảo đá này không được hưởng 200 hải lý vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, mà chỉ có vùng biển lãnh hải 12 hải lý. Điều đó khẳng định vị trí Trung Quốc hạ đặt giàn khoan 981 (cách đảo Tri Tôn 17 hải lý và sau đó là 25 hải lý) hoàn toàn nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam và hoàn toàn không có tranh chấp.

Trung Quốc cũng vi phạm luật quốc tế khi sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực trong việc đưa giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng biển Việt Nam. Hiến chương Liên hợp quốc đã cấm tất cả các hành động sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực nói chung và liên quan đến các vấn đề lãnh thổ nói riêng. Các hoạt động tranh chấp phải được giải quyết thông qua thương lượng hòa bình. Hoạt động sử dụng vũ lực chỉ được thực hiện trong các hoàn cảnh đặc biệt như là tự vệ và/hoặc được Hội đồng Bảo an cho phép. Thế giới đã chứng kiến, để hộ tống giàn khoan trái phép vào vùng biển của Việt Nam, Trung Quốc đã sử dụng một số lượng lớn tàu hải cảnh, hải giám, ngư chính, quân sự cùng máy bay chiến đấu, đặc biệt Trung Quốc cho mở bật che nòng súng trên các tàu quân sự chĩa vào tàu dân sự của Việt Nam. Các hành động này cho thấy rõ ràng Trung Quốc đã có hành động đe dọa sử dụng vũ lực. Càng nghiêm trọng hơn, các tàu của Trung Quốc chủ động, cố tình đâm va, làm hư hại nhiều tàu thuyền của lực lượng thực thi pháp luật của Việt Nam, thậm chí đã đâm chìm tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam, làm bị thương nhiều cán bộ của các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam và nhiều ngư dân đang hoạt động tại ngư trường truyền thống trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Đây là các hành động sử dụng vũ lực trên thực tế. Các hành

động này là hết sức nguy hiểm, đe dọa trực tiếp hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải ở biển Đông.

Ngoài ra, để bảo vệ giàn khoan Hải Dương 981, Trung Quốc đã tuyên bố thiết lập vùng an toàn 3 hải lý xung quanh giàn khoan. Đây cũng là hành vi hoàn toàn trái với luật pháp quốc tế. Theo như Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982, một quốc gia chỉ được phép thiết lập vùng an toàn 500 mét cho các công trình và thiết bị lắp đặt trên biển. Trên thực tế, phạm vi các tàu hải cảnh, hải giám, ngư chính và tàu quân sự của Trung Quốc ngăn cản tàu thực thi pháp luật của Việt Nam bảo vệ chủ quyền vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam lên tới 30-40 hải lý. Hành động này đã đe dọa tự do, an ninh và an toàn hàng hải trong khu vực. Kèm theo đó, việc các máy bay trinh sát và tiêm kích của Trung Quốc thường xuyên bay sát, uy hiếp các tàu công vụ của Việt Nam đã trở thành mối đe dọa đối với an toàn và tự do hàng không trên vùng biển này.

Trong năm 2003 và 2004, Trung Quốc đã đưa ra khái niệm về "trỗi dậy hòa bình" và "phát triển hòa bình" để trấn an thế giới về sự phát triển của mình, cam kết không trở thành bá quyền. Năm 2013, Trung Quốc giới thiệu chính sách ngoại giao láng giềng, theo đó lãnh đạo Trung Quốc đề xuất sáng kiến con đường tơ lụa trên biển và đề nghị ký hiệp định láng giềng hữu nghị với ASEAN. Tuy nhiên, với những hành động gây hấn và khiêu khích đặc biệt mạnh lên từ năm 2009 trở lại đây trên biển Đông và cả biển Hoa Đông, Trung Quốc đã cho thế giới thấy khoảng cách ngày càng lớn giữa lời nói và hành động của Trung Quốc và đưa ra một hình ảnh Trung Quốc ngày càng ưa sử dụng sức mạnh trong việc khẳng định chủ quyền dựa trên việc tạo ra những "thực tế mới" trên biển Đông. Từ đó, trong con mắt của công luận quốc tế, Trung Quốc đã trở thành một nước ngày càng hung hăng, vi phạm luật pháp quốc tế, đe dọa an ninh, hoà bình và ổn định khu vực.

Khoảng cách giữa lời nói và hành động của Trung Quốc càng lớn thì lòng tin của các quốc gia trong khu vực đối với Trung Quốc càng giảm,

Trung Quốc càng bị cô lập trong cộng đồng khu vực và quốc tế. Và khi niềm tin về sự trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc càng thiếu cơ sở thì việc các nước trong khu vực tìm kiếm các biện pháp tài phán, xây dựng các mối quan hệ hợp tác quốc tế mới, thậm chí tăng cường khả năng tự vệ là điều cần thiết và hợp lý. Điều này hoàn toàn đi ngược với lợi ích của Trung Quốc, cả về ngắn hạn và dài hạn, bởi vì nước lớn nào cũng phải tạo dựng một môi trường hòa bình và hợp tác ở khu vực địa lý kề cận với mình. Một môi trường như vậy không thể được tạo dựng bằng chính sách cường quyền và một chính sách cường quyền thì không thể giúp xây dựng các mối quan hệ bè bạn./.

(Báo điện tử Đảng Cộng sản, mục Thời sự, số ra ngày 10/06/2014)

HỘI MÊ SÁCH

Tải eBooks miễn phí tại <https://hoimesach.com>

Nhận eBooks miễn phí qua
Group: <https://facebook.com/groups/mesachhoi>

Fanpage: <https://facebook.com/blogdocsach>

PHẦN II

KINH TẾ BIỂN

Việt Nam nằm ở bên rìa Biển Đông, vùng biển có vị trí địa kinh tế, chính trị đặc biệt quan trọng và từ lâu đã là nhân tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển của các nước xung quanh Biển Đông, mà còn của một số cường quốc hàng hải khác trên thế giới. Việt Nam có lợi thế là vùng biển nằm ngay trên một số tuyến hàng hải chính của quốc tế qua Biển Đông, trong đó có tuyến đi qua eo biển Malacca, là một trong những tuyến có lượng tàu bè qua lại nhiều nhất thế giới. Bờ biển Việt Nam lại rất gần các tuyến hàng hải đó nên rất thuận lợi trong việc phát triển giao thương quốc tế.

Không những được ưu ái ban tặng vị trí đẹp trong việc giao thương, buôn bán và phát triển thương mại, mà biển Việt Nam còn có được sự giàu có, đa dạng sinh học, sinh vật. Các nguồn lợi từ biển có thể nhắc tới đó là trữ lượng muối biển, dầu khí và hải sản, cả những quặng, mỏ khoáng sản dưới đáy biển có tiềm năng kinh tế vô cùng cao: thiếc, titan, nhôm, sắt, mangan, đồng, và các loại đất hiếm.

So với nhiều nước, ngành dầu khí Việt Nam chưa phải là lớn nhất, nhưng lại có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng với nước ta, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy nên ngành dầu khí của Việt Nam đã được xếp vào hàng những ngành nghề có triển vọng trong giai đoạn phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, trữ lượng hải sản như cá, tôm, rong biển, cua, mực cũng là những loại đặc sản có giá trị kinh tế cao. Khả năng khai thác các loài này đã lên đến mức gần 2 triệu tấn/năm. Không những thế, việc nuôi trồng thủy hải sản ở những vùng nước mặn – lợ đã có những bước tiến đáng kể, cũng hứa hẹn một tương lai phát triển ngành nuôi, trồng hải sản

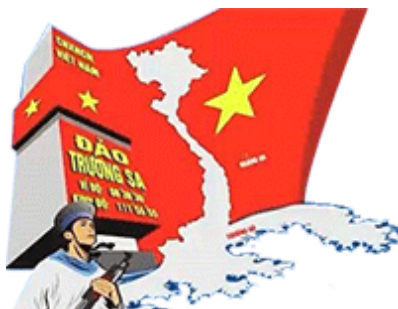
ở biển và ven biển một cách toàn diện, hiện đại với sản lượng hàng chục vạn tấn/năm.

Ngoài ra, vùng biển nước ta còn có hơn 100 địa điểm có thể xây dựng thành cảng nước sâu với quy mô lớn, thậm chí là bến bờ trung chuyển quốc tế. Những cảng lớn có thể kể đến như Vũng Áng, Dung Quất, Văn Phong, Cam Ranh, Vũng Tàu... Việc phát triển cảng biển và đóng tàu do vậy cũng là yếu tố nổi trội cơ bản của kinh tế các tỉnh ven biển.

Biển miền Trung Việt Nam có vẻ đẹp dịu dàng, đắm thắm với làn nước trong xanh như ngọc, sóng vỗ dịu êm và bờ cát trắng hiền hòa dưới nắng. Vì vậy tài nguyên du lịch biển cũng là ưu thế đặc biệt, mở ra triển vọng khai thác tổng hợp để phát triển mạnh mẽ nền kinh tế. Số lượng người du lịch biển miền Trung - Nam ngày càng tăng, làm cho các ngành dịch vụ đi kèm như nhà hàng, khách sạn cũng phát triển theo, không những thu hút được du khách trong nước, mà du khách quốc tế cũng chiếm số lượng lớn. Việc phát triển mạnh mẽ của du lịch biển đảo trong nhiều năm gần đây, đã mang lại cơ hội xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống của người dân ở vùng ven biển nhiều địa phương trong cả nước.

Các chuyên gia về kinh tế biển nhận định, việc chú trọng đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo là một định hướng vô cùng đúng đắn và phù hợp với thế mạnh của ngành du lịch Việt Nam. Không những vậy, nó còn mang ý nghĩa đặc biệt trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước.

Tóm lại, Biển Đông nói chung và vùng biển Việt Nam nói riêng có vai trò to lớn trong thương mại thế giới; vùng biển Việt Nam sẽ trở thành chiếc “cầu nối” quan trọng để phát triển thương mại quốc tế và mở rộng giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.



Kinh tế biển xanh – Nền tảng cho sự phát triển bền vững

Đứng trước nguy cơ biển, đại dương đang đối mặt với những đe dọa và rủi ro ngày càng tăng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm, khai thác quá mức tài nguyên...nếu các quốc gia không hành động kịp thời thì nhiều vùng đảo, ven biển và các hệ sinh thái tự nhiên sẽ biến mất vào năm 2100. Vì vậy, phát triển kinh tế biển xanh chính là nền tảng hướng đến sự phát triển bền vững và thịnh vượng.

Tiềm năng dồi dào, tầm nhìn dài hạn

Biển là cái nôi của sự sống, là nhân tố hết sức quan trọng đảm bảo tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam là quốc gia biển, với đường bờ biển dài hơn 3.260 km và hơn 3.000 hòn đảo bao gồm 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Kinh tế biển chính là động lực, là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Cùng với đó, các tỉnh, thành phố ven biển của Việt Nam chiếm hơn 50% dân số cả nước, phần lớn lao động làm việc trong các ngành nghề liên quan đến biển; đóng góp của 28 tỉnh, thành ven biển vào GDP cả nước hiện đã vượt ngưỡng 60%.

Báo cáo "Kinh tế biển xanh – hướng đến kích bản phát triển bền vững kinh tế biển" do Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa công bố cũng chỉ rõ, với vị trí thông thương, Biển Đông nằm trên tuyến giao thông hàng hải huyết mạch nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu – châu Á và

Trung Đông – châu Á. Tuyến hàng hải qua Biển Đông là một trong những tuyến giao thương hàng hải quốc tế sầm uất nhất trên thế giới. Sự phát triển của nhiều nền kinh tế ở Đông Á đều gắn liền với tuyến đường biển này. Trong khi đó, bờ biển Việt Nam có hơn 100 vị trí có thể xây dựng các cảng biển lớn, là điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển.

Báo cáo cũng chỉ rõ, Việt Nam có ngư trường đánh bắt truyền thống rộng lớn trong khu vực, với hơn 2.000 loài cá, trong đó 130 loài có giá trị kinh tế cao, ngoài ra còn có trên 600 loài giáp xác, nhuyễn thể và rong biển. Hơn thế nữa, các vùng biển và hải đảo của Việt Nam có nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản phong phú, đa dạng, bao gồm khoảng 12.000 loài sinh vật sống trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái đặc trưng, thuộc 6 vùng đa dạng sinh học biển khác. Biển Việt Nam được coi là một trong 10 trung tâm đa dạng sinh học biển của thế giới.

Theo Viện nghiên cứu Hải sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), trữ lượng nguồn lợi hải sản bình quân hàng năm ước tính vào khoảng 4,364 triệu tấn, chưa bao gồm nguồn lợi tại các vùng biển sâu, gò nổi và thềm lục địa. Nguồn lợi thủy sản ven bờ chiếm 12%, vùng lộng 19% và vùng khơi 69%. Ngư trường khai thác thủy sản được phân làm 5 vùng chính bao gồm: Vịnh Bắc bộ chiếm 17,3% nguồn lợi thủy sản, vùng duyên hải miền Trung chiếm 20,0%, vùng Đông Nam bộ chiếm 25,6%, vùng Tây Nam bộ 13,4% và vùng giữa Biển Đông là 23,7%.

Có thể thấy Việt Nam là quốc gia có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản ở biển và ven biển. Diện tích có thể khai thác là 500.000 ha vùng vịnh kín ven bờ, ven các đảo gần bờ và các bãi triều thấp để phát triển nuôi biển. Đến nay, khoảng 57.000 ha đã được sử dụng cho nuôi biển, 443.000 ha còn lại vẫn ở dạng tiềm năng, đặc biệt là các khu biển vùng bờ và vùng lộng.

Ngoài ra, trong các vùng biển của Việt Nam, có khoảng 35 loại khoáng sản với quy mô trữ lượng khai thác khác nhau từ nhỏ đến lớn, thuộc các nhóm: nhiên liệu, kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý và đá bán

quý, và khoáng sản lỏng. Tiềm năng dầu khí phân bố trong các bể trầm tích...

Các vùng biển và hải đảo Việt Nam còn có nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Dọc bờ biển, có hơn 120 bãi tắm có thể phát triển du lịch, trong đó có khoảng 20 bãi có quy mô và tiêu chuẩn quốc tế...

Với vị trí địa lý như trên, có thể nói rằng đời sống kinh tế, văn hóa của người dân gắn liền với biển. Biển được coi là không gian sinh tồn, phát triển và an ninh của dân tộc. Vì vậy, phát triển bền vững kinh tế biển trở thành nhu cầu tất yếu trong suốt quá trình phát triển đất nước.



Việt Nam có tiềm năng và lợi thế để phát triển bền vững kinh tế biển.

Cùng với những lợi thế trên, nhận thức đầy đủ vị thế, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế biển, Việt Nam đã có chủ trương, chính sách quan trọng để phát triển bền vững kinh tế biển. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định những kết quả phát triển kinh tế biển của nước ta trong thời gian vừa qua, đồng thời nhấn mạnh những mục tiêu, nhiệm vụ mới

cho giai đoạn tiếp theo phấn đấu để nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

Đáng chú ý, trong hơn 10 năm qua, Đảng ta đã có hai nghị quyết riêng về chiến lược phát triển kinh tế biển. Đó là Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9/2/2007, của Hội nghị Trung ương 4 khóa X “Về chiến lược biển đến năm 2020” và Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Cả hai Nghị quyết này đều khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế biển đối với nước ta và đặc biệt nhấn mạnh đến sự phát triển kinh tế biển phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, Nghị quyết số 36-NQ/TW đã nêu rõ quan điểm về phát triển bền vững, “không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế biển” và nhấn mạnh phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển.

Gần đây, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên cơ sở đó, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã xác định việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW là một nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Từ thời điểm Nghị quyết 36-NQ/TW được ban hành đến nay, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã tích cực phối hợp cùng các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan nhằm xây dựng và thực hiện nhiều hoạt động, nhiệm vụ, đặc biệt là việc xây dựng các văn bản, chính sách pháp luật có liên quan, bước đầu đã đem lại những kết quả có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai Nghị

quyết 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Cơ hội đi cùng thách thức

Trong tình hình hiện nay, sau những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, kinh tế ven biển và các ngành kinh tế biển càng có vai trò quan trọng trong việc phục hồi các hoạt động kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, thực trạng phát triển kinh tế biển Việt Nam hiện nay chưa bền vững. Phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Ô nhiễm, sự cố môi trường ở một số nơi các vùng ven biển còn diễn ra nghiêm trọng, ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành vấn đề cấp bách; các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm; một số tài nguyên biển bị khai thác chưa bền vững...



Ô nhiễm rác thải nhựa đã trở thành vấn đề cấp bách tại nhiều tỉnh ven biển. Ảnh: WWF

Báo cáo "Kinh tế biển xanh – hướng đến kịch bản phát triển bền vững kinh tế biển" cũng chỉ rõ: Vùng biển và ven biển là đối tượng chịu nhiều rủi ro về thiên tai. Các hiện tượng thời tiết cực đoan và hậu quả của biến đổi khí hậu như bão và nước biển dâng trong bão được đánh giá là có nhiều khả năng chịu tác động của biến đổi khí hậu và biến đổi đại dương.

Theo Ngân hàng Thế giới, nước biển dâng 5m sẽ khiến Việt Nam mất 16% diện tích đất liền, đe dọa 35% dân số và 35% tổng sản phẩm quốc nội. Các vùng đất thấp ven biển, các rạn san hô vòng cùng hàng loạt hệ sinh thái và cơ sở hạ tầng bị phá hủy do ngập lụt.

Tại Hội nghị quốc tế về Kinh tế đại dương bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp tổ chức mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành nhấn mạnh: Đại dương của chúng ta đang đứng trước những nguy cơ rất nghiêm trọng do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hoạt động khai thác tài nguyên, ô nhiễm môi trường biển và các rủi ro khác. Thực tế nhiều năm qua cho thấy, những nguy cơ này diễn biến ngày càng nhanh và khó lường.

“Nếu chúng ta không có các hành động kiên quyết và mạnh mẽ kịp thời để bảo vệ đại dương tốt hơn, nhiều vùng đảo và vùng ven biển cùng các hệ sinh thái tự nhiên trên hành tinh sẽ biến mất vào năm 2100 do mực nước biển dâng. Đây là thách thức vô cùng lớn đối với nhiều quốc gia, dân tộc”, Phó Thủ tướng nêu rõ.

Vì vậy, theo Phó Thủ tướng việc phát triển kinh tế đại dương bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu là mệnh lệnh của tất cả chúng ta, thể hiện mối quan tâm chung của nhân loại và chỉ có thể đạt được trên cơ sở hợp tác, đoàn kết toàn cầu, tôn trọng chủ quyền và lợi ích của mỗi quốc gia, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.



Nhiều khu rừng ngập mặn có tác dụng chắn sóng đang bị tàn phá bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

Bà Phạm Thu Hằng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam cũng khẳng định: Biển và đại dương là nguồn sống, không gian sinh tồn vô cùng quan trọng của con người và là nền tảng cơ bản cho phát triển bền vững. Tuy vậy, biển và đại dương hiện nay đang phải đối mặt với nhiều vấn đề nghiêm trọng. Điển hình nhất là ô nhiễm rác thải, chiếm tỷ trọng lớn và phân hủy lâu nhất là rác thải nhựa.

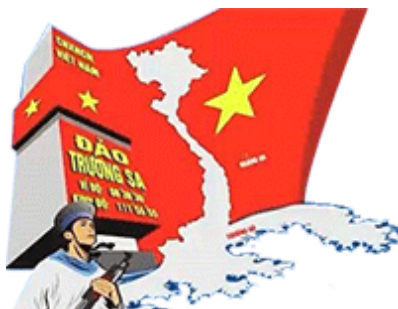
“Tất cả chúng ta cần xem đây là thời điểm khẩn cấp cho hành động với tinh thần "quyết liệt" và "cấp bách" để giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương”, bà Phạm Thu Hằng nêu rõ.

Khẳng định Việt Nam có nhiều tiềm năng, lợi thế về biển, song nhiều chuyên gia cũng lưu ý rằng nước ta đang trong giai đoạn phát triển,

do đó cần phải có giải pháp trọng tâm, trọng điểm - tức là vừa chú trọng vào các hoạt động kinh tế song cũng cần hết sức lưu ý đến vấn đề bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế biển xanh một cách bền vững.

BÍCH LIÊN

(Báo điện tử Đảng Cộng sản, số ra ngày 08/6/2022)



Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam - Du lịch biển là điểm nhấn

Kinhtedothi - Du lịch biển Việt Nam luôn là phân khúc nóng và trọng điểm trong xu hướng phát triển du lịch, nhờ sự hấp dẫn tự nhiên từ các yếu tố vượt trội về khí hậu, khả năng gắn kết các loại hình dịch vụ và đáp ứng ngày càng hoàn hảo hơn nhu cầu của du khách.



Lễ hội thả diều tại bãi biển Sầm Sơn. Ảnh: Thảo Phương

Nhiều lợi thế

Việt Nam có ưu thế và triển vọng là “điểm đến mới” trong phát triển du lịch biển kết hợp khám phá, nghỉ dưỡng nhờ có hơn 3.400km đường bờ biển và khoảng 2.773 hòn đảo lớn nhỏ ven bờ, với những bờ cát trắng, vịnh biển hoang sơ, những rặng san hô lộng lẫy, hệ động - thực vật biển phong phú, cùng nhiều danh thắng di sản du lịch thế giới.

Bờ biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận dài 1.897km, chiếm 65,3% tổng chiều dài bờ biển của Việt Nam, với hàng chục bãi biển đẹp nổi tiếng như: Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cửa Tùng, Lăng Cô, Non Nước, Cửa Đại, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Ninh Chữ, Mũi Né...

Trong đó có những bãi biển được khách du lịch và các tổ chức quốc tế bình chọn vào top những bãi biển đẹp, quyến rũ nhất hành tinh như: Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Non Nước (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hòa)... Các đảo: Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Hòn Tre (Khánh Hòa) từ lâu đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng, được du khách trong và ngoài nước lựa chọn làm điểm đến trong hành trình du lịch biển đảo Việt Nam.

Biển đảo miền Trung không chỉ là nơi cung cấp nguồn sống mà còn là không gian để họ tạo lập nên một nền văn hóa biển đảo, với những "vẻ đẹp" di sản văn hóa dày dặn, đặc sắc. Đó là hệ thống di tích lịch sử - văn hóa liên quan đến môi trường biển, hệ thống thần linh biển, những bậc tiền bối có công trong công cuộc chinh phục biển, xác lập và thực thi chủ quyền quốc gia trên biển...

Cùng với đó là các lễ hội dân gian của cư dân miền biển; tín ngưỡng, phong tục tập quán liên quan đến biển; văn hóa sinh kế, văn hóa cư trú, văn hóa ẩm thực, di sản dân gian, tri thức bản địa... mà cộng đồng cư dân biển đảo miền Trung đã gây dựng, phát triển và bảo lưu từ bao đời

nay. Đây chính là nguồn tài nguyên giàu có để phát triển du lịch biển đảo bền vững.

7 khu vực trọng điểm ưu tiên phát triển du lịch biển

Năm 2013, Tổng cục Du lịch đã phê duyệt đề án Phát triển du lịch biển đảo và vùng ven biển với 4 quan điểm chính: Phát triển du lịch biển nhanh và bền vững; Ưu tiên phát triển du lịch biển chất lượng cao; Phát triển du lịch biển phải luôn gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh quốc phòng; Phát triển du lịch biển phải được đặt trong quan hệ phát triển tổng thể chung về kinh tế - xã hội.

Nghị quyết 92/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ tới khẳng định, cần phát triển du lịch ngày càng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu, khả năng cạnh tranh, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với đó tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo tồn, khai thác sử dụng hiệu quả các di sản; chủ động và linh hoạt thực hiện các chính sách đặc thù cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, kinh doanh các lĩnh vực khách sạn, lữ hành, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Phát triển những khu du lịch trọng điểm quốc gia đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

Đặc biệt, ngày 22/10/2018, tại Hội nghị lần thứ 8 (khóa XII), Ban Chấp hành T.Ư Đảng đã thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (gọi tắt là Chiến lược biển 2030).

Nghị quyết lần này nhấn mạnh đến: “Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển...”. Đây là sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với

bối cảnh và thực tế ở Biển Đông, là sự khẳng định xu thế phát triển tất yếu trong dài hạn của nền kinh tế Việt Nam.

Trước giai đoạn dịch Covid-19, du lịch Việt Nam lập kỷ lục với việc đón 18 triệu lượt du khách quốc tế vào năm 2019, tăng 16,2% so với 2018 và lần đầu tiên vượt qua Indonesia. Theo thống kê các địa phương có lượng khách du lịch lớn, ngoài TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Lạt vốn được xem là những “trọng điểm du lịch” của nước ta, thì các tỉnh thành vùng biển như Nha Trang, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Phú Quốc, Quy Nhơn cũng lần lượt góp mặt nhờ sự phát triển mạnh mẽ của hạ tầng giao thông đường bộ, đường không và những dự án hạ tầng du lịch đẳng cấp.

Bất động sản nghỉ dưỡng - lực đẩy mạnh cho du lịch biển

Thực tế cả trong nước và thế giới đều cho thấy, sự phát triển và hiệu quả của du lịch biển cao cấp phụ tùy thuộc quan trọng vào bờ biển đẹp, khí hậu trong lành, môi trường thoáng đãng, sự đồng bộ và hiện đại hóa của cơ sở hạ tầng. Trong đó, nổi bật là giao thông thuận lợi và hệ thống bất động sản nghỉ dưỡng, cùng sự đa dạng, chất lượng các dịch vụ tiện ích có sự quản lý chuyên nghiệp, bảo đảm đem lại giá trị nghỉ dưỡng tốt nhất cho du khách.

Theo xu hướng của thế giới, sự quan tâm của du khách và nhà đầu tư thay vì các nhà nghỉ dưỡng đơn lẻ, tự phát, sẽ dành nhiều hơn cho các sản phẩm bất động sản nghỉ dưỡng có quy mô lớn, đồng bộ, hiện đại về hạ tầng, đa dạng về chức năng, bảo đảm cung ứng dịch vụ đồng bộ - “Một điểm đến có tất cả”.

Các điểm du lịch này được tích hợp và tập trung nhiều tiện ích, đa công năng và phong phú chủng loại sản phẩm, vừa tổ hợp khép kín, vừa liên kết chuỗi, bao gồm dịch vụ y tế, công viên sinh thái, khu thương mại, chợ nghệ thuật, khách sạn... Hơn nữa, ưu thế và triển vọng tích cực luôn nghiêng về các sản phẩm bất động sản nằm trong quy hoạch, có đủ cơ sở pháp lý hợp lệ, có thiết kế đẹp, chất lượng xây dựng cao, bảo đảm tiến

độ, với giá cả hợp lý và cơ sở hạ tầng, dịch vụ đồng bộ, kết nối và thuận lợi.

Các điểm nghỉ dưỡng này “tích hợp”, tập trung thành “các khu, đặc khu kinh tế nghỉ dưỡng xanh”. Trong đó coi trọng các yếu tố thân thiện môi trường và được vận hành bởi các nhà quản lý chuyên nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng sống ngày càng cao, đa dạng vừa du lịch, vừa khám chữa bệnh, nghỉ dưỡng dài hạn của người dân, cũng như mọi yêu cầu nghiêm ngặt hơn trong quản lý Nhà nước.

Về tổng thể có thể nói, bất động sản nghỉ dưỡng cao cấp phù hợp với nhu cầu thị trường, hài hòa cảnh quan, coi trọng lợi ích khách hàng và thân thiện môi trường vừa là áp lực, vừa là động lực, cơ hội đầu tư mới, giúp hiện thực hóa tiềm năng phát triển kinh tế - du lịch cho Việt Nam. Nếu phát triển tốt, Việt Nam sẽ là điểm đến mới trên bản đồ du lịch nghỉ dưỡng quốc tế.

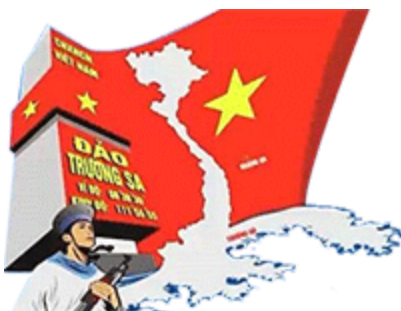
Phát triển bất động sản nghỉ dưỡng biển cao cấp, hiện đại vừa là áp lực, vừa là động lực và cơ hội đầu tư cả trung, dài hạn để phát triển du lịch biển nói riêng, du lịch Việt Nam nói chung.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam xác định 7 khu vực trọng điểm ưu tiên phát triển du lịch, trong đó có 5 khu vực là thuộc dải ven biển, nơi hiện tập trung tới 7/13 di sản thế giới; 6/8 các khu dự trữ sinh quyển; nhiều vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên; nhiều di tích văn hoá - lịch sử. Khu vực này cũng tập trung tới 70% các khu, điểm du lịch trong cả nước, hàng năm thu hút khoảng 48 - 65% lượng khách du lịch ở Việt Nam.

Thu nhập từ hoạt động du lịch biển chiếm tỷ trọng cao trong thu nhập du lịch Việt Nam. Du lịch biển phát triển góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội và góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường biển.

TS NGUYỄN MINH PHONG

(Báo Kinh tế Đô thị, mục Đời sống, số ra ngày 11/05/2022)



Bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển

Với lợi thế về sự đa dạng sinh học (ĐDSH), Việt Nam đang trở thành một trong những trung tâm ĐDSH lớn của thế giới. Để phát huy lợi thế này, những năm qua công tác bảo tồn, phát triển bền vững ĐDSH nói chung, ĐDSH biển nói riêng rất được Việt Nam coi trọng. Nỗ lực này đã thu được kết quả đáng khích lệ, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việt Nam là quốc gia giàu có về ĐDSH, được xếp hạng thứ 16 trên thế giới về mức độ đa dạng của tài nguyên sinh vật. Cùng với các hệ sinh thái đa dạng ở trên cạn, môi trường biển và giới sinh vật biển ở Việt Nam hiện nay đã phân biệt được 20 kiểu hệ sinh thái biển như: bãi triều, rừng ngập mặn cửa sông, đầm phá, vũng, vịnh biển, tùng, áng, rạn san hô, thảm cỏ biển... Ngoài ra, còn các hệ sinh thái vùng nước quanh các đảo ven bờ, đảo xa bờ, nhất là vùng nước và vùng đáy biển sâu (vùng biển quanh các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa), trong đó rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển được xem là các hệ sinh thái đặc trưng, quan trọng nhất do chúng có tính ĐDSH cao, có giá trị bảo tồn cao nhất. Kết quả điều tra cho thấy: tại vùng biển Việt Nam đã phát hiện được khoảng 11 nghìn loài sinh vật cư trú, trong đó có 6.000 loài động vật đáy; 2.400 loài cá, với 130 loài cá có giá trị kinh tế; 653 loài rong biển; 657 loài động vật phù sa; 537 loài thực vật phù du; 225 loài tôm biển... Ngoài ra, các cảnh quan ven bờ biển, các đảo ven bờ có hệ sinh thái tự nhiên với tính ĐDSH cao còn là nền tảng cho ngành du lịch phát triển nhanh, nhất là

du lịch sinh thái đang trở thành dịch vụ phổ biến ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

Nhận thức được tầm quan trọng của ĐDSH mang lại, những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo tồn ĐDSH nói chung và bảo tồn ĐDSH biển nói riêng. Điển hình như Luật ĐDSH (năm 2008); Kế hoạch hành động quốc gia về ĐDSH đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 742/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch hệ thống 16 Khu bảo tồn biển. Tính đến năm 2018, cả nước đã có 10 khu bảo tồn biển được thành lập và đi vào hoạt động. Các khu bảo tồn biển được thành lập, bên cạnh ý nghĩa bảo tồn các hệ sinh thái biển đặc thù và các loài sinh vật biển quý, hiếm, còn có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế biển, cải thiện sinh kế của cộng đồng ngư dân các địa phương ven biển; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, giáo dục cộng đồng, giải trí và du lịch sinh thái. Đồng thời, còn cung cấp các cơ sở pháp lý, công cụ hành chính cho việc đấu tranh bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia trong phạm vi vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới trong vùng Biển Đông mà các nước trong khu vực đang quan tâm...

Tuy nhiên, công tác bảo tồn ĐDSH biển ở Việt Nam hiện vẫn phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức do việc quản lý đánh bắt kém hiệu quả đang dẫn tới việc khai thác thủy sản quá mức ở nhiều vùng nước, làm suy giảm tổng lượng đánh bắt. Đáng lo ngại, các kỹ thuật khai thác mang tính hủy diệt như dùng chất nổ, chất độc để đánh bắt thủy sản đang diễn ra tràn lan, không kiểm soát được ở cả vùng nước trong đất liền và trên biển, đang là mối đe dọa cao đối với các hệ sinh thái tự nhiên có mức ĐDSH cao của nước ta. Trong khi đó, việc cải tạo từng phần các bãi triều bằng cách trồng rừng ngập mặn tại vùng cửa sông Hồng đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nơi trú ngụ và kiếm ăn ưa thích của nhiều loài chim di cư. Nhiều khu rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều ven biển đã bị cải tạo nhanh chóng với quy mô lớn thành các đầm nuôi thủy hải sản,

khiến các khu rừng ngập mặn nguyên sinh gần như bị biến mất ở nhiều địa phương ven biển...

Tại Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành T.Ư Đảng khóa XII đã thông qua và ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó có mục tiêu: Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển tối thiểu bằng mức năm 2000. Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu Nghị quyết 36/NQ-TW đề ra, nhất là đối với công tác bảo tồn, phát triển bền vững ĐDSH biển trong thời gian tới, Việt Nam cần tập trung thực hiện các giải pháp như: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến công tác bảo tồn ĐDSH nói chung, bảo tồn ĐDSH biển nói riêng, trong đó chú trọng đến các cơ chế toàn cầu và khu vực mà các điều ước và diễn đàn quốc tế đang quan tâm. Vì hiện nay, Chính phủ các nước đang trao đổi, thảo luận về một công cụ pháp lý quốc tế trong khuôn khổ Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển về nội dung bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH biển trong các khu vực ngoài vùng tài phán quốc gia. Tiếp tục mở rộng diện tích, thành lập mới các khu vực bảo tồn biển trên cơ sở quy hoạch không gian biển quốc gia, trong đó chú trọng việc bảo tồn ĐDSH, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất liền và biển. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ các bộ, ngành có liên quan đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó các sự cố môi trường biển, quản lý rác thải nhựa trên biển... để ngăn chặn, giảm đến mức thấp nhất các yếu tố nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của các sinh vật biển.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, nhất là ở các vùng biển sâu, biển xa và vùng biển quốc tế liền kề; thành lập hải đồ diện tích các vùng biển Việt Nam, điều tra

địa hình đáy biển diện tích vùng biển Việt Nam; thường xuyên tiến hành các cuộc thăm dò, tìm kiếm vật liệu di truyền, các dẫn xuất và nguồn gien có giá trị ứng dụng cao, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; triển khai các chương trình giám sát quốc gia về ĐDSH biển để có những biện pháp kịp thời ngăn chặn sự suy giảm ĐDSH biển và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các bộ, ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm - khoa học, du lịch cộng đồng; thu hút người dân ven biển chuyển đổi các hoạt động liên quan đến xâm hại, tác động đến biển sang bảo vệ, bảo tồn, tạo sinh kế, việc làm mới cho người dân tại khu vực này; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực ĐDSH để cùng nghiên cứu, bảo tồn, phát triển thương hiệu ĐDSH biển cho Việt Nam một cách bền vững, hiệu quả.

TS PHẠM ANH CƯỜNG,

Cục trưởng Bảo tồn đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Báo Nhân Dân, mục Chính trị, số ra ngày 25/01/2019)

HỘI MÊ SÁCH

Tải eBooks miễn phí tại <https://hoimesach.com>

Nhận eBooks miễn phí qua
Group: <https://facebook.com/groups/mesachhoi>

Fanpage: <https://facebook.com/blogdocsach>

PHẦN III

TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Trước yêu cầu bức thiết của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã có nhận thức sâu sắc và thể hiện rõ quan điểm về phát triển kinh tế độc lập - tự chủ. Quan điểm đó đã được nhấn mạnh trong nhiều văn kiện chính thức của Đảng và Chính phủ.

Theo thời gian, ở mọi khía cạnh, ta hoàn toàn chứng minh được Biển, đảo Việt Nam có vị trí chiến lược, trọng yếu về địa lý, chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi biển, đảo là phần máu thịt không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam và động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tư tưởng của Người có giá trị to lớn và là kim chỉ nam để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc, toàn vẹn chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc hiện nay.

Việc bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân đối với lịch sử dân tộc. Đây chính là yếu tố cốt lõi, quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”, điều đó cho thấy tầm nhìn xa trông rộng của Người. Trong quá trình dựng xây và bảo vệ Tổ quốc, dân tộc ta đã đánh đuổi quân xâm lược trên mọi mặt trận, trong đó cũng phải kể đến những cuộc chiến đấu trên biển để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Đường lối của Đảng ta đã chỉ rõ những vấn đề cấp thiết cần phải được chú trọng trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tuy rằng đây là

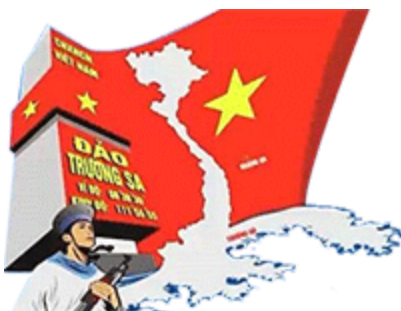
những nhiệm vụ đầy khó khăn và thách thức, nhưng rõ ràng đó cũng là những vấn đề mang tính chiến lược, then chốt.

Nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biển đảo đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ, nhuần nhuyễn giữa các cấp, bộ, ban, ngành từ trung ương đến địa phương. Về nội dung tuyên truyền, phải đa dạng, phong phú, kết nối chặt chẽ trên các nền tảng đối ngoại, chính trị, pháp luật, quân sự, quốc phòng, thậm chí phải được mở rộng trong toàn dân, các thế hệ trẻ cũng như cộng đồng quốc tế. Qua đó phát huy sức mạnh của toàn đảng, toàn dân, toàn quân, làm chuyển biến ý thức của người dân trong việc đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng.

Nhiều năm nay, cuộc thi *Em yêu biển, đảo quê hương* do Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 phát động đã giành được nhiều sự quan tâm của ngành giáo dục cũng như học sinh nhiều địa phương trong cả nước. Đây là cuộc thi vô cùng ý nghĩa, nhằm tuyên truyền, giáo dục cho các em học sinh về biển, đảo, cũng như giáo dục, hun đúc, xây dựng tinh thần yêu nước, yêu biển, đảo quê hương cùng ý thức, trách nhiệm của mọi công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Không những thế, việc củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở các huyện đảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Khác với sự tiện lợi về mặt đi lại, di chuyển cũng như tiếp thu văn minh trên đất liền, thì dân trên các huyện đảo vẫn còn có cuộc sống tương đối khó khăn. Việc tiếp nhận các thông tin, tri thức của người dân trên đảo còn gặp nhiều hạn chế. Vì vậy, công tác phát huy vai trò và chức năng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phải được đẩy mạnh. Các chính sách xã hội cho nhân dân các huyện đảo xa bờ cũng vì thế mà phải được cập nhật thường xuyên. Việc này sẽ tạo ra thế trận liên hoàn trên biển để có thể nhanh chóng tập hợp và sử dụng hiệu quả sức mạnh của các lực lượng tại chỗ phục vụ cho quốc phòng - an ninh trên biển.

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hiện nay và cho mai sau. Bên cạnh việc, chú tâm phát triển kinh tế, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, ta còn nên nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ trọng yếu hiện nay. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ trọng yếu và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, do vậy phải phát huy sức mạnh tổng hợp, đoàn kết, để xây dựng Việt Nam hùng cường.



Việt Nam khẳng định lập trường rõ ràng, nhất quán về vấn đề Biển Đông

Lập trường của Việt Nam về vấn đề Biển Đông là rõ ràng và nhất quán. Mọi hành vi xâm hại đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với vùng biển của mình đều vô giá trị và không được công nhận, Việt Nam kiên quyết phản đối.

Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao Đoàn Khắc Việt

Chiều 29/4, tại họp báo thường kỳ Bộ Ngoại giao, Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao Đoàn Khắc Việt đã trả lời một số câu hỏi về những diễn biến gần đây trên khu vực Biển Đông.

Bình luận về những thông tin được đăng tải trên trang báo South China Morning Post (có trụ sở tại Hong Kong, Trung Quốc) về hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ biển của Việt Nam trên khu vực Biển Đông, ông Việt cho biết: Chúng tôi bác bỏ những thông tin không đúng về lực lượng dân quân tự vệ biển của Việt Nam.

Việt Nam thực hiện chính sách quốc phòng hòa bình, tự vệ và toàn dân. Theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019, dân quân tự vệ biển là một thành phần của lực lượng dân quân tự vệ Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn trên biển đảo.

“Dân quân tự vệ biển và các lực lượng chức năng khác hoạt động trên biển tuyệt đối tuân thủ luật pháp Việt Nam, luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của LHQ về Luật Biển 1982”, Phó Phát ngôn khẳng định thêm.

Trước thông tin tàu sân bay Sơn Đông và tàu đổ bộ tấn công Hải Nam của Trung Quốc hôm qua 28/4 đã rời cảng ở căn cứ Tam Á trên đảo Hải Nam để tiến vào Biển Đông, Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao nhấn mạnh: Lập trường của Việt Nam về vấn đề Biển Đông là rõ ràng và nhất quán.

Mọi hoạt động trên biển cần được tiến hành trên cơ sở Công ước của LHQ về Luật Biển 1982, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của các quốc gia ven biển tại các vùng biển được xác lập phù hợp với Công ước của LHQ về Luật Biển 1982.

“Việt Nam mong rằng các nước sẽ nỗ lực đóng góp để thực hiện mục tiêu vào nguyên vọng chung của các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế về việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, thương tôn pháp luật tại Biển Đông”, ông Đoàn Khắc Việt nhấn mạnh.

Trả lời câu hỏi cho biết phản ứng của Việt Nam trước thông tin cho biết từ năm 2014 chính quyền thành phố gọi là Tam Sa đã gửi hồ sơ cho Chính phủ Trung Quốc phê duyệt đăng ký nhãn hiệu của 218 thực thể trên toàn bộ Biển Đông, Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao nêu rõ: Về vấn đề Biển Đông, lập trường của Việt Nam đã được nói rõ rất nhiều lần và nhất quán về chủ quyền, quyền chủ quyền và các quyền lợi hợp pháp khác của Việt Nam.

Một lần nữa xin khẳng định, Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý và bằng chứng lịch sử chủ quyền đối với cả Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như các quyền hợp pháp khác trên các vùng biển của Việt Nam được xác lập theo Công ước của LHQ về Luật Biển 1982.

Mọi hành vi xâm hại đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với vùng biển của mình đều vô giá trị và không được công nhận và Việt Nam kiên quyết phản đối.

Thông tin thêm về việc cơ quan chức năng Malaysia hôm 26/4 thông báo bắt 3 tàu cá Việt Nam với cáo buộc đánh bắt trái phép trên vùng biển nước này, ông Đoàn Khắc Việt cho biết: Ngay sau khi nhận được thông tin trên, Bộ Ngoại giao đã chỉ đạo Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia liên hệ ngay với các cơ quan chức năng sở tại để đề nghị đối xử nhận đạo với các ngư dân, đồng thời xác minh các thông tin liên quan và chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân cần thiết.

Đại sứ quán cũng đề nghị phía Malaysia cung cấp đầy đủ các tài liệu, bằng chứng liên quan tới tàu cá nói trên để có cơ sở chuyển cho các cơ quan chức năng trong nước điều tra, xử lý nếu có vi phạm.

Việt Nam phát triển đánh bắt cá theo hướng bền vững, chú trọng bảo tồn, phát huy các nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường và hợp tác quốc tế.

Người dân Việt Nam luôn được tuyên truyền, giáo dục để tôn trọng pháp luật Việt Nam và các quốc gia, cũng như các cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam, không xâm phạm vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của quốc gia ven biển khác được xác lập theo Công ước của LHQ về Luật Biển 1982.

Liên quan tới thông tin Hải cảnh Trung Quốc tuyên bố thực thi cấm đánh bắt cá từ ngày 1/5/2021 trên vùng biển có phạm vi bao gồm một phần vịnh Bắc Bộ và quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, Phó Phát ngôn Bộ Ngoại giao tuyên bố:

Việt Nam có đầy đủ căn cứ pháp lý và bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như các

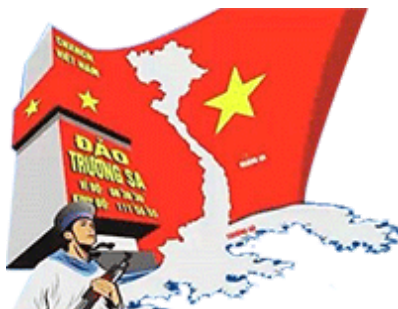
quyền hợp pháp đối với các vùng biển của Việt Nam được xác định phù hợp với Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982.

Việc bảo tồn các tài nguyên sinh vật cần được tiến hành phù hợp với các quy định liên quan của Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982 và không được làm phương hại đến quyền chủ quyền, cũng như quyền tài phán trên biển của các quốc gia liên quan khác.

Việt Nam phản đối và kiên quyết bác bỏ quyết định đơn phương này của phía Trung Quốc. Quy chế này đã xâm phạm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, vi phạm luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982, đi ngược lại tinh thần và lời văn của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), trái với thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản, chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc.

THÙY DUNG

(Báo điện tử Chính phủ, mục Chính trị, số ra ngày 29/4/2021)



Phát huy giá trị Đường Hồ Chí Minh trên biển trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay

Cách đây 60 năm, ngày 23-10-1961, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 97/QĐ thành lập Đoàn 759, tiền thân của Lữ đoàn 125 Hải quân (còn được gọi là Đoàn tàu Không số). Đoàn có nhiệm vụ mở con đường vận tải chiến lược trên biển để kịp thời chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam.

Chỉ sau gần một năm nghiên cứu, chuẩn bị, đêm 11-10-1962, chiếc tàu gỗ gắn máy đầu tiên của đoàn đã bí mật xuất phát từ bến K15 Đồ Sơn (Hải Phòng), chở hơn 30 tấn vũ khí vào cập bến Vàm Lũng (Cà Mau) an toàn. Từ thời điểm đó, Đường Hồ Chí Minh trên biển chính thức được khai thông, mở ra dấu mốc mới về con đường huyền thoại-Đường Hồ Chí Minh trên biển.

Với tinh thần mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, tất cả vì miền Nam ruột thịt, trong suốt 14 năm làm nhiệm vụ (1961-1975), tuyến đường vận tải quân sự chiến lược trên biển đã huy động hàng nghìn lượt tàu, thuyền; vận chuyển gần 110 nghìn tấn vũ khí, trang bị kỹ thuật, gần 18 nghìn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào các chiến trường miền Nam; đưa đón nhiều cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội vào chỉ đạo cách mạng miền Nam, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Ghi nhận những cống hiến, hy sinh to lớn của Đoàn tàu Không số, Đảng, Nhà nước đã hai lần tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Có được thành tích và chiến công trên, cán bộ, chiến sĩ Đoàn tàu Không số đã gặp muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh. Nhất là sau sự cố của Tàu 143 ở Vũng Rô (tháng 2-1965), con đường vận chuyển bí mật trên biển bị địch phát hiện và dùng mọi thủ đoạn để ngăn chặn, buộc chúng ta phải thay đổi phương thức vận chuyển... Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Bộ tư lệnh Hải quân đã làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo để Đoàn 125 thay đổi phương thức chuyển mới: Cho các tàu xuất phát từ nhiều bến (kể cả ở nước ngoài); đi trên nhiều cung, tuyến khác nhau; đi vòng ra biển xa thuộc hải phận quốc tế; tàu trả hàng ở nhiều bến mới... Mặc dù địch tập trung mọi phương tiện, trang bị trinh sát hiện đại để ngăn chặn, phong tỏa, trong khi phương tiện vận chuyển của ta có tải trọng khiêm tốn, thô sơ, nhưng với bản lĩnh và ý chí kiên cường, cán bộ, chiến sĩ Đoàn tàu Không số đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam.



Tàu không số vận chuyển hàng hóa, vũ khí trên tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển. Ảnh tư liệu

Thực hiện nhiệm vụ trên con đường biển mang tên Bác (từ năm 1961 đến 1975), cán bộ, chiến sĩ Đoàn 125 đã gặp hơn 20 cơn bão lớn, vượt qua hàng trăm cuộc vây ráp của kẻ thù, chi viện rất hiệu quả cho các chiến trường, ở những nơi mà Đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn chưa thể vươn tới. Những lúc địch bao vây bốn phía, cả con tàu là một khối đoàn kết, thống nhất, trong đó, thuyền trưởng và chính trị viên là những tấm gương kiên trung, mẫu mực nhất. Khi biết không thể thoát khỏi sự truy sát của địch, để giữ bí mật con đường, họ biến con tàu thành một khối thuốc nổ khổng lồ lao vào tàu địch. Đã có những người con ưu tú anh dũng hy sinh cùng con tàu, mãi nằm lại với biển khơi. Tấm gương hy sinh quả cảm của các anh hùng liệt sĩ Đoàn tàu Không số đã được khắc ghi trong lòng các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam nói riêng và lịch sử dân tộc, Quân đội ta nói chung.

Những chiến công và bài học kinh nghiệm của Đường Hồ Chí Minh trên biển mãi mãi là niềm tự hào của quân và dân ta nói chung, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam nói riêng, nhất định sẽ trường tồn và tiếp tục được phát huy hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đang đặt ra những yêu cầu mới, rất nặng nề và khẩn trương, để làm tốt vai trò là lực lượng nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên biển; vận dụng và phát huy những giá trị tinh thần, bài học kinh nghiệm của Đường Hồ Chí Minh trên biển, xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, Quân chủng Hải quân sẽ tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Trước hết, tập trung xây dựng quân chủng vững mạnh về chính trị, làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu. Đây là nhân tố quan trọng hàng đầu, bảo đảm cho quân chủng luôn hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Theo đó, phải thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; làm tốt

công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống; quán triệt cho bộ đội nắm vững quan điểm, chủ trương Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI và các kết luận, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, nhất là Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII); Kết luận số 01-KL/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng cho bộ đội có bản lĩnh chính trị vững vàng; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có ý chí quyết tâm chiến đấu cao, có niềm tin và thành thạo khai thác, làm chủ vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại.

Đặc biệt, mỗi khi phải đối mặt với tình huống phức tạp, hiểm nguy, bộ đội hải quân luôn nêu cao ý chí quyết tâm “còn người còn biển, đảo”, “một tấc không đi, một ly không rời”, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì chủ quyền của Tổ quốc. Phát huy vai trò của tổ chức đảng, xây dựng cấp ủy, chi bộ trong sạch vững mạnh, có sức chiến đấu cao; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì, là chỗ dựa vững chắc cho cán bộ, chiến sĩ khi thực hiện nhiệm vụ khó khăn, gian khổ.

Hai là, nắm chắc tình hình, chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về những giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo xử trí các tình huống trên biển. Trước những diễn biến phức tạp, khó lường trên Biển Đông hiện nay, phải duy trì các lực lượng, phương tiện, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao; nghiên cứu, nắm, dự báo sớm diễn biến tình hình trên các vùng biển, nhất là vùng biển trọng điểm, nhạy cảm, không để bị động, bất ngờ. Chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về phương châm, đối sách, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo xử trí các tình huống trên biển; phát huy được sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh trên thực địa với đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao và pháp lý, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của nước ngoài xâm phạm biển, đảo của ta. Nắm chắc phương châm, tư tưởng chỉ đạo, mệnh lệnh, chỉ thị của trên, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng; kiên quyết, kiên trì,

khôn khéo bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, an ninh, trật tự trên biển; không mắc mưu khiêu khích, không để xảy ra xung đột; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên biển để phát triển đất nước và mở rộng quan hệ hợp tác, tăng cường hoạt động đối ngoại với hải quân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ba là, phát huy tinh thần sáng tạo, ý chí quyết tâm của Đường Hồ Chí Minh trên biển, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết đúc rút những bài học kinh nghiệm quý báu của Đường Hồ Chí Minh trên biển để vận dụng vào công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng hải quân chính quy, hiện đại. Quán triệt, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 765-NQ/QUTW của Ủy ban Trung ương, Nghị quyết số 1050-NQ/ĐUQC của Đảng ủy quân chủng về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013-2020 và những năm tiếp theo. Tập trung đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nội dung, tổ chức, phương pháp huấn luyện, diễn tập. Phát huy kết quả đã đạt được, chú trọng huấn luyện theo phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”, sát phương án, đối tượng tác chiến, tổ chức biên chế và vũ khí, trang bị kỹ thuật, sát thực tế chiến đấu; lấy nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và xây dựng quân chủng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại làm mục tiêu huấn luyện. Tăng cường huấn luyện biển xa, huấn luyện trong các chuyến hành trình trên biển, trong điều kiện thời tiết phức tạp.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng, phát triển lực lượng hải quân hiện đại gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên biển vững mạnh. Để hoàn thành vai trò nòng cốt quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, Quân chủng Hải quân phải được xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bố trí thế trận vững chắc, có chiều sâu, liên hoàn bờ-biển-đảo. Bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng quân đội, Quân chủng Hải quân trong giai đoạn cách mạng mới, đẩy mạnh rà soát, kiện toàn tổ chức, biên chế các lực lượng theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, đồng bộ về con người, vũ khí, trang bị kỹ thuật và cơ sở bảo đảm. Phối hợp với các địa phương xây dựng lực lượng

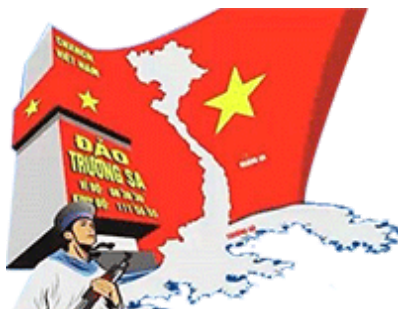
dự bị động viên, dân quân tự vệ biển vững mạnh, có phương án sẵn sàng động viên, huy động nhân lực tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo; làm điểm tựa cho ngư dân vươn khơi, bám biển, tìm kiếm cứu nạn xa bờ, bảo vệ hoạt động kinh tế biển; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, “thế trận lòng dân” trên biển ngày càng vững chắc. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh thể bố trí lực lượng hải quân trên các vùng biển, đảo để có khả năng chuyển hóa thế trận linh hoạt, bảo đảm tác chiến hiệu quả, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng.

Trước tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quân chủng cần đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ bảo quản, bảo dưỡng, cải tiến, nâng cấp vũ khí, trang bị hiện có và làm chủ vũ khí, trang bị mới. Đồng thời nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nội địa, công nghệ tự chủ vào chế tạo linh kiện, phụ tùng, vật tư kỹ thuật thay thế, tiến tới chế tạo các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật đặc chủng của hải quân; nâng cao khả năng tự chủ trong bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm trang bị, giảm lệ thuộc vào đối tác nước ngoài; tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm, thu hẹp trình độ phát triển với hải quân các nước tiên tiến.

Thời gian tới, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc tiếp tục đặt ra nhiều yêu cầu mới, khẩn trương, nặng nề đối với quân chủng. Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; sự thương yêu, đùm bọc của nhân dân; cùng với phát huy tinh thần sáng tạo, ý chí quyết tâm của Đường Hồ Chí Minh trên biển, Hải quân nhân dân Việt Nam sẽ lập nên những thành tích, chiến công mới, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thêm lực địa thiêng liêng của Tổ quốc.

Trung tướng NGUYỄN VĂN BỔNG, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy
Quân chủng Hải quân

(Báo Quân đội nhân dân, số ra ngày 29/9/2021)



Hàng loạt thách thức đối với các hệ sinh thái vùng bờ biển

Cần biết - Tiềm năng tài nguyên vùng bờ biển có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Nhưng do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cộng với những thay đổi dưới tác động của biến đổi khí hậu và nhiều nguyên nhân khác, nên các hệ sinh thái vùng bờ biển đã và đang suy thoái, diện tích bị thu hẹp nghiêm trọng.

- Tác động của biến đổi khí hậu: Với hơn 3.260km đường bờ biển và 2 đồng bằng châu thổ lớn, Việt Nam là một trong những quốc gia bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, nếu mực nước biển dâng thêm 1m sẽ gây ảnh hưởng tới đời sống của 10,8% dân số Việt Nam sống tập trung tại các vùng châu thổ. Nếu dâng 5m thì khoảng 16% diện tích đất ven bờ và các hệ sinh thái ở đây bị ngập lụt, khoảng 35% dân số về 35% tổng sản phẩm quốc dân bị đe dọa.

Theo báo cáo của Cơ quan quốc tế về biến đổi khí hậu, biến đổi và biến thiên khí hậu gây ảnh hưởng đến thủy sản, nghề cá và cộng đồng ngư dân. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng và thay đổi lượng mưa làm cho hệ sinh thái, sản lượng đánh bắt cá, cơ sở hạ tầng và sinh kế nghề cá dễ bị tổn thương. Tại Việt Nam, mối quan ngại nổi lên là các dị thường lượng mưa và tăng nhiệt độ do sự ấm lên toàn cầu, đặc biệt là bão và lũ lụt sau mỗi chu kỳ 3 - 4 năm, gây tác động tới các hệ sinh thái (rừng ngập mặn, dải ven bờ, châu thổ), các loài cá phổ biến, nghề cá và sinh kế.

Nước biển dâng sẽ ảnh hưởng đến vùng đất ngập nước ven biển Việt Nam, nghiêm trọng nhất là khu vực rừng ngập mặn dễ bị tổn thương ở Cà Mau, TP.HCM, Vũng Tàu và Nam Định. Đa dạng sinh học vùng bờ và nguồn lợi thủy hải sản giảm sút, các hệ sinh thái vùng bờ quan trọng bị suy thoái và thu hẹp diện tích. Các quần đàn có xu hướng di chuyển ra xa bờ hơn do thay đổi cấu trúc hoàn lưu ven biển, thay đổi tương tác sông - biển ở vùng cửa sông ven bờ, do mất đến 60% các nơi cư trú tự nhiên quan trọng.

- **Hệ quả của khai thác nguồn lợi quá mức:** Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế nhận xét, trong 50 năm lại đây, Việt Nam đã bị mất khoảng 80% diện tích rừng ngập mặn. Phong trào nuôi tôm, các dự án phát triển khu công nghiệp và đô thị là một trong những nguyên nhân nổi trội dẫn đến phá rừng ngập mặn. Vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng là những nơi có diện tích rừng ngập mặn bị mất nhiều nhất.

Theo số liệu của Viện Điều tra quy hoạch rừng, sau 60 năm (1943 - 2003), rừng ngập mặn của nước ta đã mất gần 4/5 diện tích. Tốc độ mất rừng ngập mặn do các hoạt động sản xuất trong giai đoạn 1985 - 2000 ước khoảng 15.000 ha/năm. Do suy thoái nên năng suất nuôi tôm quảng canh trong rừng ngập mặn giảm sút nghiêm trọng, từ 200kg/ha/vụ năm 1980 đến nay chỉ còn 80 kg/ha/vụ; 1 ha rừng ngập mặn trước kia có thể khai thác được 800 kg thủy sản, nhưng hiện chỉ thu được 1/20 so với trước.

Cùng với đó, bức tranh về rạn san hô biển Việt Nam cũng rất ảm đạm. Khoảng 200 điểm rạn san hô được khảo sát, hiện trạng độ phủ của chúng đang giảm sút nhanh chóng. Ở miền Bắc giảm 25 - 50%, chỉ còn khoảng 1% các rạn san hô ở miền Nam ở tình trạng tốt. Từ năm 2002, Viện Tài nguyên Thế giới đã cảnh báo khoảng 80% rạn san hô ở vùng biển Việt Nam nằm trong tình trạng rủi ro, trong đó 50% ở mức cao. Nếu không có hành động tích cực và hiệu quả thì chỉ đến hết năm 2030, biển

Việt Nam sẽ trở thành “thủy mạc”, không còn rạn san hô và cũng không còn tôm cá nữa.

Tình trạng trên cũng diễn ra tương tự với các hệ sinh thái thảm cỏ biển. Trước thời kỳ 1996 - 1997, diện tích của 39 bãi cỏ biển là 10.768 ha, đến năm 2003 chỉ còn gần 4.000 ha, nghĩa là đã mất đến 60%. Diện tích các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển nói chung cũng bị mất khoảng 60 - 70% để nhường chỗ cho các hoạt động của con người. Đồng thời có khoảng 100 loài hải sản có mức độ nguy cấp khác nhau, trên 100 loài được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam. Nguồn lợi hải sản có xu hướng giảm về trữ lượng, sản lượng và kích thước đánh bắt.



- **Gia tăng chất thải ra cửa sông, ven biển:** Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và y tế ở vùng ven biển nước ta tăng mạnh qua các năm, ngày càng gây ô nhiễm trên diện rộng tại các vùng cửa sông, ven

biển làm ảnh hưởng đến tài nguyên nước, sinh vật, các ngành kinh tế gắn với biển. Mỗi ngày có hàng ngàn tấn chất thải rắn được xả ra biển, đặc biệt là tại các vùng ven bờ. Không chỉ rác thải từ các hoạt động công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thủy, nuôi trồng thủy sản, từ các khu công nghiệp ven biển, mà còn có rác thải sinh hoạt trên các đảo có dân cư cũng là vấn đề đáng phải lưu ý. Đây là những sức ép lớn lên môi trường, hệ sinh thái và tài nguyên ven biển và biển của Việt Nam.

Sơ bộ tính toán lượng rác thải rắn sinh hoạt phát sinh của 28 tỉnh, thành phố ven biển mỗi năm lên tới 14,03 triệu tấn. Bình quân 1 ha nuôi tôm xả ra môi trường khoảng 5 tấn chất thải rắn và hàng nghìn m³ nước thải/năm. Với tổng diện tích trên 600.000 ha nuôi tôm, hàng năm xả ra gần 3 triệu tấn chất thải rắn. Riêng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại các dải ven biển sơ bộ tính toán vào 2,42 triệu tấn/năm, chiếm tới 50% lượng chất thải rắn công nghiệp trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, sự cố tràn dầu và thải dầu cặn vẫn tiếp tục xảy ra cộng với 200 triệu tấn dầu được vận chuyển hàng năm qua các vùng biển ngoài khơi Việt Nam, với lượng thải dầu cho phép và bất hợp pháp rất lớn. Do đó, vùng biển ven bờ nước ta rất dễ bị tổn thương do sự cố ô nhiễm do dầu thải, dầu tràn. Ngoài ra, ở vùng biển Việt Nam có 340 giếng khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Bên cạnh thải nước lẫn dầu với khối lượng lớn, hoạt động này còn phát sinh 5.600 tấn chất thải rắn, trong đó có 20 - 30% là chất thải rắn nguy hại còn chưa có bãi chứa và nơi xử lý.

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 11/03/2014)

PHỤ LỤC

GẠC MA – KHÚC TRẮNG CA TRÊN BIỂN

34 năm sự kiện Gạc Ma: Tri ân “những người nằm lại phía chân trời”

34 năm trước, vào ngày 14/3/1988, trong một cuộc chiến không cân sức, 64 chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã vĩnh viễn nằm lại giữa biển sâu để bảo vệ chủ quyền của đất nước tại các bãi đá Gạc Ma, Cô Lin và Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.



Tàu HQ-604 - con tàu bị địch bắn chìm trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc ở Gạc Ma, ngày 14/3/1988. (Nguồn: TTXVN)

Hình ảnh các chiến sĩ Hải quân Việt Nam hiên ngang đứng thành vòng tròn bảo vệ lá cờ Tổ quốc trên đảo Gạc Ma, vẽ thành "vòng tròn bất tử" mãi khắc ghi sử sách, viết nên bản anh hùng ca còn vang vọng mãi trong lịch sử dựng nước, giữ nước của ông cha, nhắc nhở con cháu phải quyết giữ vững từng tấc đất, lãnh thổ, hải giới mà ông cha đã không tiếc máu xương để bảo vệ.

Bản hùng ca trên biển

Chủ quyền quốc gia là tối thượng, bất khả xâm phạm. Các thế hệ người Việt Nam đã đổ biết bao công sức, máu xương để xác lập chủ quyền, giữ gìn lãnh thổ, các vùng biển và hải đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Cách đây hàng trăm năm, những người con ưu tú của nước Việt Nam đã vượt muôn vàn khó khăn, gian khổ, xả thân giữa biển khơi mệnh mông vì chủ quyền đất nước.

Những câu ca lưu truyền trong dân gian tới hôm nay, như: "Hoàng Sa đi có về không-Lệnh vua sai phái quyết lòng ra đi" là minh chứng cụ thể nhất cho sự quả cảm, các kỳ tích mà họ đã lập nên.

Xúc động biết bao khi được biết trước khi thuyền nhổ neo, mỗi người chuẩn bị một đôi chiếu, bảy sợi dây mây, bảy đòn tre để nếu hy sinh thì đồng đội bó lại, gắn tấm thẻ tre ghi tên tuổi, quê quán rồi thả xuống biển, cầu mong nếu thân xác may mắn dạt được vào bờ, người trong đất liền biết đó là ai. Chính vì "Hoàng Sa lắm đảo nhiều cồn-Chiếc chiếu bó tròn mấy sợi dây mây" mà trong nhiều thế kỷ trước, triều đình đã có sắc truy phong một số cai đội Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa là "Thượng đẳng thần" và những người lính Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa là "hùng binh Hoàng Sa".

Để rồi, tinh thần quả cảm, quyết tâm vô hạn, dũng cảm phi thường lại được thế hệ sau nối tiếp. Ngày 14/3/1988, 64 người lính bảo vệ đảo

Gạc Ma, trong cuộc chiến không cân sức, đã vĩnh viễn nằm xuống dưới làn mưa đạn.



Dâng hương trước Bia tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma tại Khu Tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Ảnh: TTXVN)

Cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc trên bãi đá Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao ngày 14/3/1988 là cuộc chiến không cân sức. Nơi đầu sóng, ngọn gió, phương tiện vũ khí hạn chế, không có bờ đất, công sự che thân, nhưng với tình yêu đất nước, quyết tâm bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng trên 3 con tàu HQ 604, HQ 605 và HQ 505 và lực lượng bảo vệ đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao đã nêu cao ý chí kiên cường, tinh thần dũng cảm, quyết tâm đến cùng để bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Anh hùng lực lượng vũ trang, Đại tá Vũ Huy Lễ, nguyên thuyền trưởng tàu HQ 505 không thể quên những giây phút chiến đấu hào hùng bảo vệ cụm đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao ngày đó.

Trước sự tấn công dùng sức mạnh quân sự áp đảo nhằm uy hiếp tinh thần nhưng các cán bộ chiến sĩ của chúng ta rất gan dạ, kiên cường, dũng cảm, kiên quyết bám tàu, bám đảo để bảo vệ cờ, bảo vệ đảo.

Sau khi uy hiếp nhưng không làm lay chuyển được tinh thần cán bộ, chiến sĩ của ta, các tàu chiến của Trung Quốc đã dùng súng, pháo bắn thẳng vào tàu của chúng ta, làm tàu HQ 604 bốc cháy và chìm rất nhanh.

Tại đảo Gạc Ma, các cán bộ chiến sĩ đã nắm chặt tay nhau tạo thành vòng tròn bảo vệ lá cờ Tổ quốc, lấy thân mình quyết tâm giữ đảo.

“Không được lùi bước. Phải để cho máu mình tô thắm lá cờ Tổ quốc và truyền thống vinh quang của Quân chủng” - câu nói của Anh hùng liệt sĩ, thiếu úy Trần Văn Phương, Phó chỉ huy trưởng đảo Gạc Ma lúc ấy không chỉ thể hiện khí phách anh hùng, mà còn là tư thế của người làm chủ thực sự biển đảo dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Các cán bộ chiến sĩ Hải quân đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Sự kiện lịch sử Gạc Ma đã minh chứng một cách đầy đủ, rõ nét phẩm chất những chiến sĩ cách mạng kiên trung, những người con ưu tú của đất nước, sẵn sàng xả thân, không lùi bước, quyết lấy máu mình để bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tri ân “những người nằm lại phía chân trời”

Năm 2017, Khu tưởng niệm các chiến sĩ Gạc Ma với tên gọi “Những người nằm lại phía chân trời” đã được khánh thánh tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, Khánh Hòa.

Đến nay, Khu tưởng niệm đã đón hơn 2.350 đoàn với hơn 219.000 lượt người đến viếng, tri ân các anh. Nhiều đơn vị, đoàn thể, trường học

đã tổ chức lễ kết nạp đảng viên, đoàn viên, sinh hoạt truyền thống, giáo dục lịch sử... tại khu tưởng niệm.

Những ngày tháng Ba này, Khu tưởng niệm các chiến sĩ Gạc Ma lại đón hàng nghìn người đến viếng thăm. Từ đây nhìn về phía biển, những người con đất Việt lại thầm nhắc gửi lời tri ân tới những con người quả cảm, những con người đã anh dũng hy sinh cả tuổi trẻ và tính mạng của mình vì chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

64 người lính bảo vệ đảo Gạc Ma đã gác lại bao ước mơ hoài bão và dang hiến tuổi thanh xuân của mình để bảo vệ những cột mốc tiền tiêu. Máu của các anh lẫn vào biển xanh, xương của các anh đã thấm vào lòng đảo, tên các anh được đời đời thế hệ hôm nay và mai sau ghi nhớ.

"Không một ai bị lãng quên và không ai được phép quên lãng". Đó chính là lời mà những người cựu binh Gạc Ma luôn tự nhắc nhở mình và đồng đội suốt nhiều năm qua.

Trong hơn 30 năm qua, bằng những hành động tri ân khác nhau các cựu binh Gạc Ma cùng người thân, bạn bè luôn nhớ đến sự hy sinh đến các anh.

Giờ đây, mỗi tàu ra Trường Sa đều thực hiện nghi thức thả hoa để tưởng niệm những liệt sĩ đã ngã xuống trong trận chiến ngày 14/3/1988.



*Đã thành thông lệ, bất cứ tàu hải quân nào đi qua vùng biển Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao đều tổ chức lễ viếng và thả hoa tưởng niệm 64 liệt sỹ trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc năm 1988.
(Ảnh: TTXVN)*

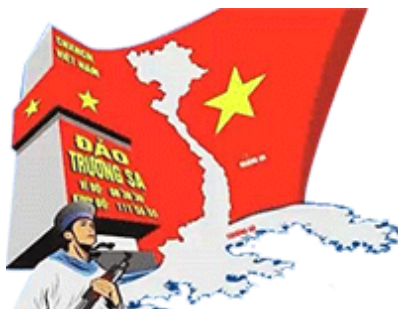
Từ mái đầu bạc đến mái đầu xanh; từ những người vào sinh ra tử qua hai cuộc kháng chiến đến các bạn trẻ chưa một lần mặc áo lính; từ những người lặn lội với biển, đảo sống sót trở về đến những người lần đầu tiên đến đây đều không cầm được nước mắt, khi thắp hương tưởng nhớ các liệt sỹ. Nghi thức tưởng niệm ấy có cả bi thương xen lẫn tự hào. Nhưng cuộn gói tất cả trong đó là nghĩa cử tri ân, là lời khẳng định không ai quên khúc bi tráng Gạc Ma, không ai quên những người lính đã kiên cường bảo vệ một phần lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc trên Biển Đông.

34 năm đi qua, sóng biển có thể xóa nhòa mọi dấu vết nhưng không thể xóa được ký ức bi tráng của người dân Việt Nam về những con người quả cảm mà sự hy sinh của họ được dựng thành những tượng đài bất tử

về tình yêu Tổ quốc. Tinh thần chiến đấu của các anh là một nét son trong lịch sử dân tộc mà thế hệ hôm nay và mai sau phải khắc cốt ghi tâm.

Trường Sa không xa, Trường Sa luôn trong tâm thức người Việt Nam.

(Báo Nhân dân, mục Chính trị, số ra ngày 13/3/2022)



DANH SÁCH 64 CÁN BỘ CHIẾN SĨ HY SINH NGÀY 14/3/1988 TRÊN VÙNG BIỂN GẶC MA - LEN ĐAO

Ngày 14/3/1988, trên vùng biển Gạc Ma - Len Đao (Trường Sa, Khánh Hòa), 64 cán bộ chiến sĩ Hải quân đã anh dũng hy sinh trong trận chiến để bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.



Bảo tàng ngầm - nơi lưu giữ những hiện vật liên quan đến cuộc đời và gia đình các liệt sĩ Gạc Ma tại khu tưởng niệm Gạc Ma, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm (Khánh Hòa)

1. Trần Văn Phương - 1965 Thiếu úy B trưởng 3.1983 Gạc Ma - Quảng Phúc, Quảng Trạch, Quảng Bình

2. Trần Đức Thông - 1944 Trung tá Lữ phó Gạc - Ma Minh Hoà, Hưng Hà, Thái Bình

3. Nguyễn Mậu Phong - 1959 Thượng úy B trưởng 11.1977 Gạc Ma - Duy Ninh, Lệ Ninh, Quảng Bình

4. Đinh Ngọc Doanh - 1964 Trung úy B trưởng 9.1982 Gạc Ma - Ninh Khang, Hoa Lư, Ninh Bình (Cam Nghĩa, Cam Ranh, Khánh Hoà)

5. Hồ Công Đệ - 1958 Trung úy (QNCN) Y sĩ 2.1982 Gạc Ma - Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hoá

6. Phạm Huy Sơn - 1963 Chuẩn úy (QNCN) Y sĩ 2.1982 Gạc Ma - Diễn Nguyên, Diễn Châu, Nghệ An

7. Nguyễn Văn Phương - 1969 Trung sĩ Cơ yếu 3.1987 Gạc Ma - Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình

8. Bùi Bá Kiên - 1967 Trung sĩ Chiến sĩ 3.1986 Gạc Ma - Văn Phong, Cát Hải, Hải Phòng

9. Đào Kim Cương - 1967 Trung sĩ Báo vụ 2.1985 Gạc Ma - Vương Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

10. Nguyễn Văn Thành - 1967 Trung sĩ Chiến sĩ 3.1982 Gạc Ma - Hương Điền, Hương Khê, Hà Tĩnh

11. Đậu Xuân Tứ (Tư) - 1964 Trung sĩ Chiến sĩ 3.1985 Gạc Ma - Nghi Yên, Nghi Lộc, Nghệ An

12. Lê Bá Giang - 1968 Hạ sĩ Báo vụ 3.1987 Gạc Ma - Hưng Dũng, Vinh, Nghệ An

13. Nguyễn Thanh Hải - 1967 Hạ sĩ Quản lý 3.1986 Gạc Ma - Sơn Kim, Hương Sơn, Hà Tĩnh

14. Phạm Văn Dương - 1967 Hạ sĩ A trưởng 3.1986 Gạc Ma - Nam Kim 3, Nam Đàn, Nghệ An

15. Hồ Văn Nuôi - 1967 Trung sĩ Chiến sĩ 8.1985 Gạc Ma - Nghi Tiến, Nghi Lộc, Nghệ An

16. Cao Đình Lương - 1967 Trung sĩ A trưởng 8.1985 Gạc Ma - Trung Thành, Yên Thành, Nghệ An

17. Trương Văn Thịnh - 1966 Trung sĩ Chiến sĩ 8.1985 Gạc Ma - Bình Kiến, Tuy Hoà, Phú Yên

18. Võ Đình Tuấn - 1968 Trung sĩ Quản lý 8.1986 Gạc Ma - Ninh Ích, Ninh Hoà, Khánh Hoà

19. Phan Tấn Dư - 1966 Trung sĩ Báo vụ 2.1986 Gạc Ma - Hoà Phong, Tây Hoà, Phú Yên

20. Vũ Phi Trừ - 1955 Đại úy Thuyền trưởng HQ604 Đội 10 - Quảng Khê, Quảng Xương, Thanh Hoá

21. Vũ Văn Thắng Thượng úy Thuyền phó HQ604 - Văn Hàn, Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình

22. Phạm Gia Thiệu - 1962 Thượng úy Thuyền phó HQ604 - Hưng Đạo, Đông Hà, Nam Ninh, Nam Định

23. Lê Đức Hoàng - 1962 Trung úy Thuyền phó HQ604 - Nam Yên, Hải Yên, Tĩnh Gia, Thanh Hoá

24. Trần Văn Minh - 1962 Thiếu úy (QNCN) Máy trưởng HQ604 - Đại Tân, Quỳnh Long, Quỳnh Lưu, Nghệ An

25. Đoàn Khắc Hoàn - 1959 Thượng sĩ Trưởng thông tin HQ604 - 163 Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, Hải Phòng

26. Trần Văn Chúc - 1965 Hạ sĩ Nv cơ điện HQ604 - Đội 1, Canh Tân, Hưng Hà, Thái Bình

27. Hán Văn Khoa - 1962 Trung sĩ Nv cơ điện HQ604 - Đội 6, Văn Lương, Tam Nông, Phú Thọ

28. Nguyễn Thanh Hải - 1968 Hạ sĩ Chiến sĩ HQ604 - Mỹ Ca, Chính Mỹ, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng

29. Nguyễn Tất Nam - 1967 Hạ sĩ Chiến sĩ HQ604 - Thường Sơn, Đô Lương, Nghệ An

30. Trần Khắc Bảy - 1967 Hạ sĩ Chiến sĩ HQ604 - Lê Hồ, Kim Bảng, Hà Nam

31. Đỗ Viết Thành - 1964 Hạ sĩ Chiến sĩ HQ604 - Thiệu Tân, Đông Sơn, Thanh Hoá

32. Nguyễn Xuân Thuỷ - 1967 Hạ sĩ Chiến sĩ HQ604 - Phú Linh, Phương Đình, Trực Ninh , Nam Định

33. Nguyễn Minh Tân - 1956 Thượng úy E83 công binh HQ604 - Dân Chủ, Hưng Hà, Thái Bình

34. Võ Minh Đức - 1968 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Liên Thuỷ, Lệ Ninh, Quảng Bình



35. Trương Văn Hương - 1966 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Hải Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình

36. Nguyễn Tiến Doãn Binh nhất A trưởng E83 HQ604 - Ngư Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình

37. Phan Hữu Tý - 1966 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình

38. Nguyễn Hữu Lộc - 1968 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 22 Hoà Cường, Đà Nẵng

39. Trương Quốc Hùng - 1967 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 55, Hoà Cường, Đà Nẵng

40. Nguyễn Phú Đoàn - 1968 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 47, Hoà Cường, Đà Nẵng

41. Nguyễn Trung Kiên- 1968 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Nam Tiến, Nam Ninh, Nam Định

42. Phạm Văn Lợi - 1968 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 53, Hoà Cường, Đà Nẵng

43. Trần Văn Quyết - 1967 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Quảng Thuỷ, Quảng Trạch, Quảng Bình

44. Phạm Văn Sỹ - 1968 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 7, Hoà Cường, Đà Nẵng

45. Trần Tài - 1969 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 12, Hoà Cường, Đà Nẵng

46. Lê Văn Xanh - 1967 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 38, Hoà Cường, Đà Nẵng

47. Lê Thế - 1967 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 29 An Trung Tây, Đà Nẵng

48. Trần Mạnh Việt - 1968 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tổ 36, Bình Hiên, Đà Nẵng

49. Trần Văn Phòng - 1962 Thượng úy C trưởng E83 HQ604 - Minh Tân, Kiến Xương, Thái Bình

50. Trần Quốc Trị - 1955 Binh nhất A trưởng E83 HQ604 - Đông Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình

51. Mai Văn Tuyển - 1968 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Tây An, Tiền Hải, Thái Bình

52. Trần Đức Hoá - 1966 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Trường Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình

53. Phạm Văn Thiềng - 1967 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Đông Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình

54. Tống Sỹ Bái - 1967 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Khóm 3, phường 1, Đông Hà, Quảng Trị

55. Hoàng Anh Đông - 1967 Binh nhì Chiến sĩ E83 HQ604 - Khóm 2, phường 2, Đông Hà, Quảng Trị

56. Trương Minh Phương - 1963 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Quảng Sơn, Quảng Trạch, Quảng Bình

57. Hoàng Văn Thuý - 1966 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Hải Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình

58. Võ Văn Tứ - 1966 Binh nhất Chiến sĩ E83 HQ604 - Trường Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình

59. Phan Hữu Doan - 1960 Trung úy Thuyền phó HQ605 - Chí Tiên, Thanh Hòa, Phú Thọ

60. Bùi Duy Hiển - 1966 Trung sĩ Báo vụ HQ605 - Thị trấn Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình

61. Nguyễn Bá Cường - 1962 Thượng sĩ Học viên HVHQ HQ605 - Thanh Quýt, Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam

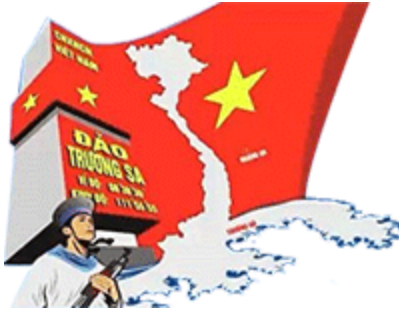
62. Kiều Văn Lập - 1963 Thượng sĩ Học viên HVHQ HQ605 - Phú Long, Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội

63. Lê Đình Thơ - 1957 Thượng úy (QNCN) Nv đoàn 6 HQ605 - Hoàng Minh, Hoàng Hoá, Thanh Hoá

64. Cao Xuân Minh - 1966 Binh nhất Chiến sĩ đoàn 6 HQ605 - Hoàng Quang, Hoàng Hoá, Thanh Hoá

THÁI AN (tổng hợp)

(Báo điện tử Vietnamnet, số ra ngày 14/3/2022)



Lời kết

Biển, đảo Việt Nam có vị trí địa lý - kinh tế quan trọng, nằm án ngữ các tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch của thế giới và các nước trong khu vực. Bên cạnh vị trí quan trọng về địa lý kinh tế, biển, đảo Việt Nam có vị trí, vai trò trọng yếu về quốc phòng - an ninh. Biển đảo nước ta được ví như mặt tiền, sân trước, cửa ngõ quốc gia ở hướng đông. Với việc củng cố quốc phòng – an ninh, thì việc xây dựng tiềm lực, thế trận phòng thủ biển, đảo, tạo thành thế trận liên hoàn bờ - biển - đảo có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Trong thời kỳ mới, biển, đảo Việt Nam luôn là vấn đề nổi cộm và thu hút nhiều sự quan tâm. Không chỉ có vẻ đẹp thơ mộng, mà ẩn chứa trong từng lớp sóng biển còn là khát vọng bảo vệ bờ cõi quốc gia. Cùng với công tác truyền truyền về biển, đảo, cần kết hợp với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, làm cho ngư dân hiểu rõ các quy định trong luật biển Việt Nam và pháp luật quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, làm cho ngư dân không chỉ chấp hành, mà còn kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của tàu, thuyền nước ngoài ở vùng biển Việt Nam. Cần sớm đưa các nội dung về chủ quyền biên giới, lãnh thổ, biển, đảo vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học; phổ biến rộng rãi trong cộng đồng người Việt Nam và quốc tế về chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trên biển.

HỘI MÊ SÁCH

Tải eBooks miễn phí tại <https://hoimesach.com>

Nhận eBooks miễn phí qua
Group: <https://facebook.com/groups/mesachhoi>

Fanpage: <https://facebook.com/blogdocsach>